



HOÀNG PHÁP

NỘI SAN PHẬT HỌC THỪA THIÊN HUẾ

Nói với chiếc lá
Hát ru mẹ

Quán Thế Âm
Cuộc sống nhiệm màu



23
PL.2552
DL.2008





20



03 Sự vận hành của tâm thức
Đạo Sinh

13 Nói với chiếc lá
Thích Thái Hòa

18-19

Kính viếng điệu (thơ)
Thi đối phụng điệu (thơ)
Minh Đức Triều Tâm Ảnh

20 Vài kỷ niệm nhỏ với
 thầy Châu Lâm
Hạnh Viên

23 Ngưng lặng soi lại mình
Nguyễn Duy Nhiên

30 Đường về hạnh phúc
Nguyễn Châu

36 Luận lý học Phật giáo
Thích Nhuận Châu

47 Tịnh Bình Thủy (thơ)
Ninh Giang Thu Cúc

48 Cuộc sống nhiệm màu
Nguyễn Minh

56 Quán Thế Âm (thơ)
Hạnh Phương



58 Chùa Trúc Lâm và Sự nghiệp
 kỳ vĩ của “Tứ Mật Cao Tăng”
Tâm Quang

66 Nốt nhạc màu lam
Hoàng Công Danh

73 Những bài học thiên văn
Hiện Trú lược dịch

79 Đường Như Bóng Mây
 (tiếp theo và hết)
Lam Khê

84 Thăng Khờ
Nguyễn Minh Châu

88 Hát ru mẹ
Lữ

92 Trong nhật ký ô mai
Chiêu Hoàng

NAM MÔ ĐẠI BI QUÁN THẾ ÂM BỒ TÁT
NAM MÔ ĐẠI BI QUÁN THẾ ÂM NHIỆM MÀU





SỰ VẬN HÀNH CỦA TÂM THỨC

ĐẠO SINH

Có thể nói rằng tâm thức Châu như đã trở thành một chủ đề thống lĩnh toàn bộ nền văn học Phật giáo. Từ văn học Abhidharma cho đến Đại thừa giáo, người ta luôn tìm thấy những mô tả về tâm thức, thể cách tồn tại cũng như tiến trình vận hành của nó. Sự kiện này đặt ra một vấn đề rất phức tạp cho những ai muốn tìm hiểu về

Phật giáo. Bởi vì tâm thức là cái quá trừu tượng và những gì chúng ta biết về nó đều thuộc về lãnh vực của kinh nghiệm tự chứng. Một khi đã là đối tượng của kinh nghiệm tự chứng thì mọi trình bày hay mô tả về nó khó có thể có giá trị phổ quát tuyệt đối. Chính vì lẽ đó mà mọi truyền thống của Phật giáo đều có những

trần thuật riêng về chủ đề này. Tất cả các truyền thống này đều nhìn nhận những trần thuật của họ hoàn toàn y cứ trên thánh giáo lượng; tuy nhiên, đây vẫn không phải là chứng cứ cuối cùng cho một trần thuật có giá trị phổ quát. Tiến trình dẫn đến giác ngộ và giải thoát của đức Phật cũng là một kinh nghiệm tự chứng. Và khi kinh nghiệm này được chuyển tải đến chúng ta bởi một con người đã giải thoát như đức Phật - một người đã thành tựu mười loại năng lực thù thắng - thì ngôn ngữ văn tự chưa hẳn là phương tiện biểu đạt duy nhất.

Nói cách khác, kinh điển cung cấp cho chúng ta những thông tin về kinh nghiệm giác ngộ cũng như lộ trình tâm thức dẫn đến kinh nghiệm đó, nhưng kinh điển không phải là tự thân kinh nghiệm giác ngộ. Kết quả là từ kiến thức đầu tiên chúng ta có về loại kinh nghiệm này cho đến tự thân của nó

có một khoảng cách bắt buộc phải vượt qua. Khoảng cách này được mô tả như là tiến trình chuyển hóa của tâm thức. Vì thế, nếu muốn tiếp cận với giác ngộ thì Phật tử không còn con đường nào khác ngoài việc phải chuyển hóa tâm thức của mình để có thể khế hợp với loại kinh nghiệm này.

Thế nhưng, chúng ta chuyển hóa tâm thức bằng cách nào? Đây là câu hỏi không dễ trả lời. Như đã nói ở trên, có rất nhiều mô tả khác nhau về lộ trình dẫn đến giải thoát được tìm thấy trong các truyền thống của Phật giáo. Vì thế, vấn đề nảy sinh cho một người Phật tử bình thường như chúng ta là lộ trình nào thích hợp với chúng ta nhất.

Dĩ nhiên, khi đặt vấn đề như thế, chúng ta đã tỏ ra không đồng tình với ý kiến cho rằng con đường giải thoát nằm ngoài tầm với của những người Phật tử tại gia. Bởi vì nếu tìm đến đạo Phật để tập sống một

cuộc đời đạo đức thuần túy thì Phật giáo không phải là đáp ứng duy nhất cho chúng ta đối với một nhu cầu như thế. Là một người trí thức, đương nhiên chúng ta không dễ dàng chấp nhận tìm đến Phật giáo như một tín đồ ngoan đạo. Trong quá trình giáo dục ở nhà trường chúng ta đã biết được thế nào là giá trị của tri thức, của lý luận, của sự phán đoán có khoa học, v.v... Vì thế, thật khó cho chúng ta khi quyết định dành thời gian và sức lực vào một công việc mà chúng ta không hình dung được điểm khởi đầu cũng như đích đến của nó.

Trong trường hợp này chúng ta thử giả định một lộ trình hoàn toàn dựa trên kinh nghiệm thể tục thông thường của chúng ta:

Khi nói đến chọn lựa thì điều thông thường là chúng ta sẽ chỉ chọn lựa những gì có lợi cho bản thân mình. Vì thế, chúng ta sẽ rất cẩn thận khi làm việc này. Trước tiên, chúng ta phải thu thập đầy đủ thông tin về tất cả các lộ trình có thể có. Đây là giai đoạn không thể bỏ qua; bởi vì kinh nghiệm sống dạy cho chúng ta điều đó: muốn không mua lầm một món hàng thì người mua phải biết rõ chất lượng cũng như giá

“...cuối cùng chắc chắn chúng ta cũng sẽ chọn được một lộ trình nào đó...”



cả của mặt hàng do nhiều hãng khác nhau sản xuất. Sẽ có rất nhiều giảng đường, tự viện, sách báo, thậm chí là các trang web, v.v... giới thiệu cho chúng ta về nhiều lộ trình giải thoát khác nhau được hình thành trong quá trình phát triển của Phật giáo: thiền Trúc Lâm, thiền Lâm Tế, thiền Vipassana, thiền Chỉ quán Thiên thai tông, Tịnh độ tông Trung Hoa, Tịnh độ tông Nhật Bản, Mật tông Tây Tạng, v.v... Từ khối lượng thông tin này, chúng ta sẽ tự hình thành cho mình một số khái niệm có cơ sở luận lý về Phật giáo cũng như các phương pháp tu tập được đề ra trong đó. Và các khái niệm này sẽ giúp chúng ta rất nhiều trong việc chọn ra một lộ trình như mình mong muốn. Bởi vì càng nhiều thông tin thì chúng ta càng dễ nhận ra những lộ trình nào mà mình không thích hợp. Chẳng hạn, chúng ta có thể không chọn pháp môn niệm Phật vì niệm Phật chỉ hoàn toàn dựa

trên tín tâm chứ ít chú trọng đến giá trị của tri thức - một khả năng chúng ta không thể bỏ qua vì đã sớm biết đến giá trị và tác dụng của nó; hoặc chúng ta có thể loại bỏ thiền Vipassana, vì thiền này thuộc về Tiểu thừa, chỉ dẫn đến quả vị A-la-hán chứ không phải Phật quả, không xứng đáng để chúng ta theo đuổi; hoặc chúng ta có thể loại bỏ Mật tông Tây Tạng vì cách tu tập này trông giống như ngoại đạo, trong Phật giáo không thể có những cách tu tập đầy huyền bí như thế; hoặc chúng ta có thể loại bỏ Bồ-tát thừa vì không có chứng cứ khoa học đầy đủ để chứng minh các kinh điển nói về Bồ-tát là do Phật thuyết, vân vân và vân vân.

Dù sao đi nữa, cuối cùng chắc chắn chúng ta cũng sẽ chọn được một lộ trình nào đó, bởi vì chúng ta không thể chấp nhận người khác nhìn mình như một kẻ chỉ biết sống theo bản năng mà quá nông cạn khô cằn về đời

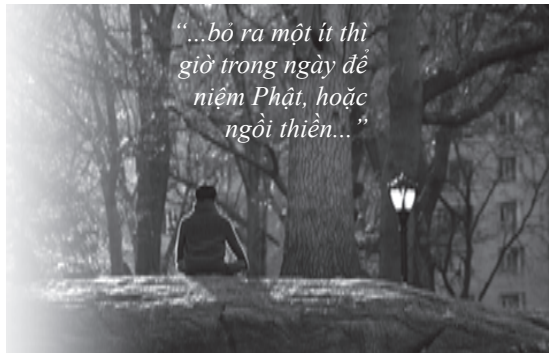
sống tâm linh; nhất là khi Phật giáo là một tôn giáo truyền thống đối với gia đình cũng như dân tộc chúng ta và đã được rất nhiều học giả tiếng tăm thừa nhận là hệ tư tưởng vĩ đại nhất hành tinh.

Tuy nhiên, chỉ mới chọn lựa không thôi cũng chưa đủ, mà chúng ta còn phải thể hiện nội dung chọn lựa này qua những hoạt động cụ thể trong đời sống. Chúng ta phải bỏ ra một ít thì giờ trong ngày để niệm Phật, hoặc ngồi thiền, hoặc trì chú, hoặc tụng kinh, hoặc làm các việc từ thiện, v.v... Những hoạt động như thế sẽ làm cho chúng ta yên tâm hơn, bởi vì ít ra sau mỗi lần niệm Phật hoặc ngồi thiền hoặc bố thí cho người khác, chúng ta sẽ cảm thấy tự tin hơn. Chúng ta suy nghĩ về những hành động mình đã làm và thấy hoan hỷ cũng như tự hào về chính mình. Ít ra trong đám người chỉ biết chạy theo vật dục thì mình vẫn là một người cao cả vì

mình còn biết bỏ thì giờ, tiền bạc cho những mục đích cao thượng, mình còn biết hướng tâm hồn đến những lý tưởng cao thượng. Và niềm tự hào này sẽ được gìn giữ và lớn mạnh hơn nhiều nếu như chúng ta chịu khó đọc thêm sách báo viết về Phật giáo. Lúc đó, kiến thức của chúng ta sẽ được nâng cao hơn, chúng ta sẽ biết được nhiều điều hơn.

Ngoài ra, nếu chúng ta có năng khiếu văn chương thì đời sống tâm linh của chúng ta sẽ trở nên tuyệt vời hơn. Thay vì chỉ truyền đạt cho người xung quanh những kiến thức về Phật học cũng như kinh nghiệm tu tập tự thân bằng những lời lẽ thông

*“...bỏ ra một ít thì
giờ trong ngày để
niệm Phật, hoặc
ngồi thiền...”*



thường kém thuyết phục, chúng ta có thể viết văn, làm thơ, ca ngợi lòng từ bi, ca ngợi mây trắng, lá xanh, sương mù, mùa xuân, ca ngợi niềm an lạc hiện tiền, ca ngợi tỉnh giác, ca ngợi tình yêu, v.v... Nói chung, nhờ những nỗ lực tìm tòi học hỏi các vị văn nhân, thi sĩ, thiền sư Phật giáo mà ngôn ngữ chúng ta dần dần thấm nhuần đạo vị mà vẫn không xa lạ với ngôn ngữ của cuộc đời. Chúng ta sẽ học được cách nói năng khéo léo hơn, mềm dẻo hơn, lưu loát hơn. Tâm hồn chúng ta dần dần trở nên tự tại hơn; chúng ta sẽ dễ dàng làm chủ mình hơn. Mặc dù có những khi chúng ta rất giận dữ, giận dữ đến độ mong muốn người nào đó biến ngay khỏi mặt đất, nhưng chúng ta vẫn có thể nở một nụ cười rất giải thoát. Chúng ta có thể điềm nhiên tọa thiền trước tiếng khóc của những người khác, chúng ta có thể nhiếp tâm tự tại trước nỗi quần quai của người khác. Nếu có người

nào đó do hiểu lầm mà phê phán những hành động như thế của chúng ta, thì những kiến thức Phật học về nghiệp lực chúng sinh, về vô thường, vô ngã, về vô phân biệt, v.v... có thừa khả năng để giúp chúng ta hình thành những lý giải sắc bén về giá trị của những oai nghi như thế. Và điều làm cho chúng ta tự tin nhất là với những khả năng như thế càng ngày càng có nhiều người hâm mộ và ủng hộ chúng ta hơn. Không có bằng chứng nào chứng minh sự thành tựu của chúng ta mạnh hơn bằng chứng này; bởi vì nếu không trải qua một tiến trình chuyển hóa tâm thức gian khổ thì làm sao chúng ta có thể có được một nhân cách như thế; và nếu không có một nhân cách như thế, làm sao có thể có nhiều người luôn luôn quy tụ quanh ta để học hỏi và làm theo như thế. Với những bằng chứng cụ thể như thế chúng ta tin rằng tâm thức của mình đang được chuyển hóa liên tục, triệt để. Và với

tốc độ như vậy thì ngày giác ngộ giải thoát sẽ không còn là một viễn tưởng đối với chúng ta...

Sự trần thuật như trên về sự khởi đầu cũng như tiến trình chuyển hóa tâm thức cùng với những thành tựu hấp dẫn của nó có lẽ không quá xa thực tế đối với những người Phật tử bình thường như chúng ta. Tuy nhiên, đây chỉ là một phác thảo hoàn toàn dựa trên sự phá sản của ngôn ngữ thường được các luận thư Phật giáo gọi là “hý luận”. Vì nếu đọc kỹ, chúng ta sẽ nhận ra rằng đó chỉ là những nỗ lực tích tập kiến thức - kiến thức Phật học lẫn kiến thức tâm lý học thế gian - được đầu óc khôn ngoan của con người sử dụng để đạt được những thành công nhất định nào đó trong đời sống thực dụng và chẳng dính líu gì đến sự chuyển hóa tâm thức được nói đến trong Phật giáo.

Nếu dựa trên nền tảng của “như thực tri kiến” thì chúng

ta sẽ có một phác thảo khác.

Theo luận Thành Duy Thức 9, “chuyển hóa tâm thức” là một sự chuyển đổi tận căn rễ (chuyển y) chứ không phải các hiện tượng trôi nổi trên bề mặt của nó. Một sự chuyển đổi như thế bao gồm hai động thái chính: (a) xả bỏ chướng ngại của phiền não và sở tri; (b) sở đắc giải thoát và giác ngộ.

Tâm thức chúng ta là một dòng chảy tương tục không ngừng nghỉ. Chúng được hình thành từ chính những tri giác nhận biết của chúng ta trong cuộc sống hằng ngày. Tất cả các đối tượng của nhận thức qua các giác quan cũng như qua ý thức cùng với các đối tượng được nắm bắt bởi các trạng thái tâm như ngã si, ngã kiến, ngã mạn và ngã ái đều để lại những “ấn tượng” của chúng - thuật ngữ Phật giáo Ấn độ gọi là *vasana* - trong tâm tưởng chúng ta và hình thành một phần của tâm tưởng chúng ta gọi là tâm

hữu lậu. Chính những ấn tượng này tạo thành dòng chảy tương tục của tâm thức và sau khi đã trải qua một tiến trình chuyển biến, chúng sẽ tự biến thái để có thể tác động trở lại sự hình thành và xu hướng hoạt động của toàn bộ các hình thái tri nhận cũng như các trạng thái tâm kế tiếp của chúng ta. Và đây chính là những điều kiện để cho hai loại chướng ngại phiền não và sở tri sinh khởi.

Như vậy, khi đối tượng của sự chuyển hóa được xác định là chướng ngại phiền não và chướng ngại sở tri thì điều này có nghĩa rằng đó là những chướng ngại có gốc rễ từ tự tâm chúng ta chứ không chỉ là những hiện tượng bề mặt làm đối tượng cho sự tri nhận của chúng ta. Vì phiền não chướng ngại giải thoát và sở tri chướng ngại giác ngộ, cho nên chúng ta chỉ có thể sở đắc giác ngộ và giải thoát thật sự khi trừ bỏ được chúng. Ở đây cần

nói thêm rằng, khi nói “sở đắc giải thoát và giác ngộ” là dựa trên nền tảng lý tính nhị nguyên. Trên bình diện tuyệt đối thì không có cái được sở đắc là giải thoát hay giác ngộ, vì đó chỉ là những từ ngữ mô tả trạng thái hoạt dụng của tâm vô lậu khi hành giả đã đoạn trừ được tâm hữu lậu.

Theo mô tả trên, toàn bộ khả năng tri nhận của chúng ta cũng như tất cả các trạng thái tâm kèm theo đều sinh khởi và biến diệt có điều kiện. Và tâm thức của chúng ta có đủ loại mầm mống (bīja) của cả thiện pháp cũng như bất thiện pháp. Mặc dù trong dòng tâm thức này có tồn tại ảnh hưởng của các thiện pháp, nhưng vì tánh chất của chúng là hữu lậu, tức không thể dẫn đến giải thoát và giác ngộ, cho nên chúng vẫn là đối tượng phải xả bỏ trước khi chúng ta phát huy được tác dụng của các pháp vô lậu. Chỉ khi nào sự hoạt dụng của tâm vô lậu không

bị ảnh hưởng của các pháp hữu lậu ngăn ngại thì một hành giả mới có thể được xem như “thành tựu giác ngộ và giải thoát”.

Từ những trần thuật trên, giờ đây chúng ta đã có thể tạm thời có những khái niệm sơ khởi về cái gọi là tâm thức và sự vận hành cơ bản của nó, ít ra là theo những trình bày của Thành Duy Thức:

- Khi tâm thức được mô tả như một dòng chảy tương tục không ngừng nghỉ thì nó không thể nào là một đối tượng được quán sát như thực của ý thức; có nghĩa là, với cơ cấu thân tâm như hiện có, chúng ta không bao giờ hy vọng có thể nắm bắt được dòng chảy của chính tâm thức mình.

- Tất cả các hình thái nhận thức cũng như mọi trạng thái

tâm chúng ta có thể ý thức về, hoặc nỗ lực xả bỏ, đoạn trừ hay phát triển đều thuộc hiện tượng giới; có nghĩa là, chúng được xem như những đợt sóng trên bề mặt tâm thức.

- Một khi những gì chúng ta có thể ý thức chỉ là chiếc bóng thuộc hiện tượng giới thì mọi nỗ lực tu tập không thiết lập trên nền tảng chuyển y đều vô tác dụng.

- Điều cuối cùng và cũng là điều quan trọng nhất là khi chướng ngại của phiền não và sở tri chưa được xả bỏ thì mọi phát biểu của chúng ta về giải thoát và giác ngộ chỉ là hý luận.

Giải thoát và giác ngộ là một kinh nghiệm tự chứng chứ không phải là đối tượng của sự suy luận.

Dĩ nhiên tất



cả các điều trên đều được rút ra từ chỉ một trong nhiều truyền thống khác nhau của Phật giáo. Như đã nói ở trên, Phật giáo không chỉ có một gợi ý độc nhất về lộ trình dẫn đến giải thoát. Tất cả các truyền thống khác nhau về lộ trình tâm thức hiện được bảo lưu trong kho tàng văn học đồ sộ của Phật giáo đều có giá trị thực chứng; bởi vì đó là kết quả của kinh nghiệm tự chứng qua một tiến trình chung của Phật giáo là giới, định, tuệ. Điều này có nghĩa rằng nó không thể là đối tượng của sự tỷ giảo, phê phán của bất kỳ hệ thống triết học, tôn giáo, khoa học nào khác trên thế giới dù đó là siêu hình học, bản thể học, hiện tượng học, thần học, tâm lý học, phân tâm học, v.v... Vì thế, một người trí thức biết tự trọng - cho dù người đó là Phật tử hay không phải Phật tử - sẽ không bao giờ phát biểu về cái mà mình chẳng có một

thông tin nào về nó hoặc nếu có thì chỉ là những thông tin sai lạc. Chỉ còn một phương cách tiếp cận duy nhất là hãy tự mình áp dụng và chiêm nghiệm lấy. Những câu chuyện về người mù sờ voi, về sự tranh luận giữa rùa và cá, về những con cá không thể nhảy qua giới hạn của tấm lưới, v.v... là những bài học kinh điển mà bất kỳ người Phật tử chân chính nào cũng phải ghi nhớ trong suốt cả cuộc đời sống đạo của mình.

Ngôn ngữ văn tự mới chỉ là các biểu tượng được con người tri nhận một cách dễ dàng qua nhĩ thức, nhãn thức và ý thức mà chúng ta còn không đủ sức chuyển đổi thì làm sao chúng ta có đủ tư cách để nói đến một sự chuyển hóa tâm thức nào đó, vốn là cái làm nền cho ngôn ngữ văn tự mà ý thức chúng ta không bao giờ hy vọng có thể với tới được. ■





Nói với chiếc lá

Thích Thái Hòa

Nỗi thất vọng lớn nhất của con người là chạy trốn về phía trước hay chạy ngược về phía sau để kiếm tìm cho mình một bản ngã. Bản ngã trong cơm áo, gạo tiền, trong kiến thức chữ nghĩa, trong địa vị quyền uy hay trong những lý tưởng hảo huyền...

Tự thân của bản ngã là hảo huyền. Hảo huyền trong tư duy và hảo huyền trong thực tế. Lịch sử loài người đã bị cày nát, để trở thành hầm hố ngăn cách, thù hận ngàn đời bởi những hảo huyền ấy.

Chiếc lá không hề đi tìm cho nó bất cứ một bản ngã nào, nên chiếc lá lúc nào và ở đâu cũng hiện thực và bình dị. Nó vốn bình dị với chính nó và bình dị với những gì liên hệ với nó. Nó là hiện thực, vì nó không hão huyền với chính nó. Nó không hão huyền với những gì mà gốc rễ của nó đã và đang curu mang. Nó là hiện thực, vì nó đang tiếp nhận ánh sáng mặt trời, mặt trăng, những giọt nước của mưa hay sương, những hơi ấm và lạnh được chuyển động từ lòng đất lên thân cây qua cành và lá. Lá đã tiếp nhận và tặng lại một cách bình dị đối với những gì mà nó đã liên hệ, suốt cả cuộc hành trình.

Lá đã tiếp nhận như thế và ngàn đời vẫn tiếp nhận như thế. Nó không bám víu khi đến mùa phải rụng. Nó rụng một cách thanh thản nhẹ nhàng, để hội chúng cho những gì vĩnh cửu ngay giữa những cuộc ảo hóa, phù sinh.



Con người sao không thấy mình là lá và là lá của hoa nhi! Và con người sao không thấy mình là người giữa tất cả mọi người, để cho nhân tính và tình người được tự nhiên hiển lộ. Và tại sao con người không thấy mình là bọt nước giữa đại dương để quê hương con người trở thành thăm sâu và rộng lớn. Và tại sao, con người không tự thấy mình là một vệt sáng chớp nhoáng giữa trời không, để không gian vô biên là cõi tuyệt đối bình an cho mọi sinh thể đi về và mình cũng được đi về ngay ở trong sinh thể ấy!

Thực tại là toàn diện. Con người vốn là một thực tại



toàn diện. Nhưng vì con người muốn nghe tiếng nói của riêng mình và muốn cất lên tiếng nói ấy, nên bỗng chốc trở thành kẻ độc hành giữa sa mạc hoang liêu mà tiếng nói của riêng mình nghe như chuông đồng vọng. Công lý trở thành những khát thèm và hổ thẹn. Tiếng nói công lý đã trở thành ngôn ngữ của đọa đày viễn mộng. Bình an cho con người chỉ là những nhát kiếm bén nhọn quờ quạng đâm thủng giữa hư không. Nên, bình an chỉ là những ảnh tượng muôn đời cho con người khát vọng.

Càng khát vọng con người càng đánh mất và xa lạ với

chính mình và cuộc sống. Càng ước vọng con người lại càng có những tiếng thờ dài nghe ra não ruột. Não ruột, vì ước vọng bao giờ cũng được đáp lại bằng những sự thất vọng, ê chề.

Thất vọng không phải do dòng sông, mặt trời, mặt trăng, biển cả, núi rừng hay cuộc đời mà do tâm thức đầy vô minh và tham vọng của con người tạo ra.

Cuộc đời vốn hoàn hảo ngay từ buổi bắt đầu. Cuộc đời không cần con người hoàn hảo. Con người hãy hoàn hảo lại chính mình để thích ứng với cuộc đời, chứ cuộc đời không cần thích ứng với con người đâu nhé!

Không có con người, thì dòng sông vẫn chảy, nhưng không có sự trôi chảy của dòng sông, thì con người không còn là con người nữa, con người là cát bụi ven đường cho gió cuốn mù sa.

Không có con người thì không gian vẫn đầy ắp

không khí, nhưng không có không khí thì con người là gì, mỗi người phải tự trả lời lấy một cách nghiêm túc cho thân phận của chính mình.

Có những người đã đem hết khả năng và kiến thức học hỏi của mình suốt cả một đời người để trả lời rằng, không có không khí thì chết. Nhưng, họ nào có biết ai chết? Và cái gì chết?

Chết không có gì quan trọng và mới lạ đối với con người. Không có không khí, thì không có bất cứ một ai có thể sinh ra, thì lấy gì để sống. Không có sống, lấy gì để chết? Chết là một vinh hạnh lớn của con người, vì con người dù sống ít hay nhiều, dài hay ngắn gì đi nữa thì vẫn đã từng có sự sinh ra và đã từng có sống. Đã từng có sống, nên phải có chết và đã từng chết nhiều lần ngay nơi sự sống.

Đằng này, không có không khí là không có sự sống,

không có cái sinh ra sự sống, thì làm gì có sống. Đã không có sự sống, thì làm gì có sự chết. Sự chết cũng mâu nhiệm như sự sống vậy. Và mỗi khi sống đã không thể, thì chết làm gì mà có thể. Chết không thể xảy ra, nếu không có sự sống. Sống không thể xảy ra, nếu không có sự chết. Nên, không có không khí thì không có ai chết cả và không có bất cứ cái gì để chết cả.

Vậy, trước khi sự sống và sự chết cùng xảy ra cho nhau và cùng nhau chơi trò chơi trốn tìm, cút bắt, thì ta là gì, mặt mũi như thế nào, ấy là công án mà nỗi thất vọng của con người vẫn muôn đời lặn đục, ám ảnh và khát thèm để kiếm tìm cho đời mình một bản ngã!

Chiếc lá mỗi ngày vẫn đong đưa trên cành và đùa chơi với những chú chim non, với những cánh bướm vàng theo sự vận hành của thiên nhiên. ■



LTS

Hòa thượng NGUYỄN MINH PHƯỚC THÀNH

(Trú trì chùa Pháp Uyển Châu Lâm, Huế đã viên tịch ngày mừng 8 tháng 7, Mậu Tý-2008) là một thiền sư thân tâm thanh thoát, là bậc Cao tăng từng trung liễu ngộ, và là nhà thơ pháp Hán Nôm tài hoa xuất chúng, có ảnh hưởng khá rộng trong thiền môn và hàng văn nghệ sĩ Huế.

Thầy

ra đi... đi mãi...

về nơi tịnh cảnh, nhưng

những bút tích kỳ tài, lối sống

bình đạm, vô chấp và một trái tim lúc nào cũng vui vẻ, chân tình với mọi người,... tất cả, vẫn sẽ ở lại cho nhiều đời sau; để lại niềm thương kính vô hạn cho hàng Tăng Ni, Phật tử xứ Huế... !

BBT xin gửi đến quý độc giả bài thơ, đôi câu thi đối phụng điệu trắc tuyệt của thiền sư Giới Đức (Minh Đức Triều Tâm Ảnh) và vài kỷ niệm nhỏ của tác giả Hạnh Viên để ghi lại một hình ảnh “**Tự tại Đàm hoa lạc thủy**” vô cùng thâm viễn của ngài.

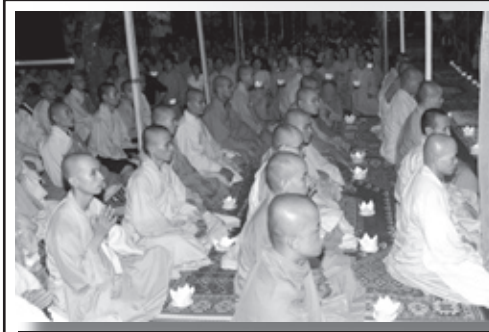


Kính viếng điệu

Hòa thượng CHÂU LÂM PHƯƠNG TRƯỞNG

Thôi rồi ngọc vỡ rừng châu
Sương trời lê hạt chữ câu đạo Thiên
Bút thượng thừa,
Khí cao thiên
Nay tình nay hữu hạo nhiên cuộc bông
Người đi phùi nhẹ trần hồng
Hương Đàm thơm mãi thông dong cõi về!

Am Mây tía, Thu Mậu Tý
MINH ĐỨC TRIỀU TÂM ẢNH



*Tưởng
niệm
Tôn
sư*



*Lễ
nhập
Bảo
tháp*

THI ĐỐI PHỤNG ĐIỀU

Hòa thượng CHÂU LÂM

61 Xuân Thu du Phật cảnh

1.

Mấy thuở tảo hành lướt mây Tục đế
Tri tình tri hữu bàn mỹ luận hương
Chợt chiều Thu nọ,
Trí Sa môn, chí Đại trượng, mím mắt đau
cười thân bệnh.
Tự tại Đàm hoa lạc thủy ! Cảnh hoạt Thiên,
gốc Ứng định mà chẳng hay câu chữ gió lay trăng!
Đàn Thi mặc, bèn đội đuốc phụng Nhân văn!

2.

Một thời từng trúc phẩy lá cao sơn
Nan đạo nan tâm giải tỉnh tầm diệu
Mới sớm Xuân kia,
Hạnh Bát-nhã, đức Danh tăng, xóa nắng quái,
phủi mưa thâm.
Thung dung hạo khí lãng vân ! Áo nhập thế,
gót xuất trần nào để ý đất trời sương rỉ mực !
Hội Hán thư, chừ treo nghiêng tôn tuyệt bút.

(Huyền Không Sơn thượng,
Am Mây tía, Thu sương trắng-
Phật lịch 2552 - 2008)

Vài kỷ niệm nhỏ với Thầy Châu Lâm

Hạnh Viên



Đã mấy tuần thất kể từ ngày Thầy trú trì Châu Lâm viên tịch, vậy mà mỗi lần ngồi xuống những mong viết đôi điều ‘tưởng nhớ’ về Thầy, tôi vẫn không ngót bối rối vì trong tôi Thầy như vẫn còn đó, có phần còn thật hơn cả khi Thầy còn tại thế... Di ảnh của Thầy vẫn còn đó nụ cười âm thầm, thân thuộc và từ ái. Làm sao tôi có thể ‘hồi tưởng’ về một người như vừa mới bước ra, đi đâu đó rồi sẽ quay về, mà sự hiện diện của người ấy như vẫn còn quanh quẩn đâu đây?

Nói về Thầy, tôi không biết nên nói điều nào trước? Về lòng từ hòa nhân ái của Thầy, về tính kiên định vô úy của Thầy, về tính lạc quan, luôn xem thường bệnh hoạn và giễu cợt cái chết, về tính trân trọng tri thức, luôn khuyến khích giúp đỡ lớp Tăng ni

cầu học, hay về tài hoa khí phách của Thầy để lại qua nét bút? Những ai quen biết Thầy đều có thể nhận thấy các đức tính này.

Có lẽ tôi nên nói về một đức tính ít người biết đến hơn, bởi nó âm thầm, không hiển lộ ra ngoài, tuy đó lại là một trong những phẩm chất cao quý của bậc Sa môn Thích tử. Tôi muốn nói đến tính dung dị nhưng ân cần, sự quan tâm chân tình của Thầy đối với tất cả mọi người.

Có những điều nhỏ bé trong cuộc sống lại thể hiện một nhân cách lớn. Tôi học được từ Thầy không phải những bài học nơi thiền đường, những ‘Pháp thoại’ của một vị trú trì bốn sư nói với chúng đệ tử; từ Thầy tôi học được những bài học lợi ích của cuộc sống giản dị, khiêm cung và chân tình; từ thân giáo vô ngôn của Thầy.

Một buổi chiều đông, thầy lặng lẽ dạo quanh sân vườn. Chùa hôm ấy vắng vẻ, chỉ còn lại một điệu nhỏ và một chú đang loay hoay lật rau, thổi cơm trong bếp. Để chuẩn bị buổi tiểu thực, không muốn sai bảo điệu vì Thầy biết hấn mới đi học về, Thầy tự tay bẻ mấy müt măng non ngoài hàng rào, những müt măng chỉ to hơn ngón chân cái mà chẳng ai để ý đến. Để nguyên măng mới bẻ, Thầy ngồi nướng ngay bên đống lửa nhỏ nơi góc sân chùa. Tro tàn, thầy khơi măng ra, bóc vỏ rồi đem thái mỏng. Thầy vắt vào đó vài lát chanh, trộn sơ với chút bột nêm rồi dọn lên bàn với đĩa muối ớt. Hôm đó trời đông lạnh. Dĩa măng nướng bốc khói thơm mùi dân dã... Thầy ăn cơm với chừng đó món. Vậy mà thầy vẫn gấp cho tôi hai dĩa, bảo: “Cho HV nếm thử, ‘đặc sản’ của Châu Lâm đó. Ngon lắm đó. Khi xưa Cố vẫn thường ăn uống đậm bạc ri đây!” Tôi thấy hạnh phúc trong niềm xúc động sâu xa... Miếng măng đơn sơ, không thơm mùi cao lương mỹ vị, mà đậm tình thầy trò, ngọt ngào hương vị chốn thiền môn.

Một chuyện khác, tuy chỉ là chi tiết, nhưng thể hiện lòng ân cần, chân tình của thầy đối với mọi người, mà tôi được biết ngay trong những ngày tang lễ Thầy. Buổi tối đầu tiên bắt đầu viếng tang, có

hai vợ chồng già chờ nhau từ Đà Nẵng vội vã đến chùa. Ông chồng đã ngoài 70, gương mặt còn lộ nét mệt mỏi sau chặng đường dài, nói với tôi: “Thầy ơi, nghe tin Ôn mất tui con sốt ruột quá, không chờ xe anh em được, con tự chờ nhà con ra đây. Trời tối quá gần đến nơi còn bị lạc đường...” Bà vợ không nói được gì, chỉ nhìn lên di ảnh Thầy, nhìn tôi, rồi lại nhìn quanh như cố nén lại những giọt lệ đã đọng quanh khóe mắt. Hồi lâu bà mới nói: “Nghe tin Ôn mất con không tin nổi thầy ơi. Tui con mới gặp Ôn đây... Hôm đó khi về Ôn còn đưa tui con xuống tận cổng. Thương Ôn quá... Ôn sợ con bỏ, Ôn dắt con đi từng bước xuống cái dốc trơn ngoài cổng, rồi Ôn còn nói: Bữa ni tui dắt chị, mai một Phật dắt chị đi...”

Họ chỉ là đôi vợ chồng già, vội vàng đến viếng tang Ôn không cần trướng liễn, không một vòng hoa, nhưng với tấm lòng thiết tha chân tình. Hoa nào rồi cũng tàn, nhưng chân tình của những con người này đối với nhau là những đóa hoa thường tại giữa lòng nhân gian.

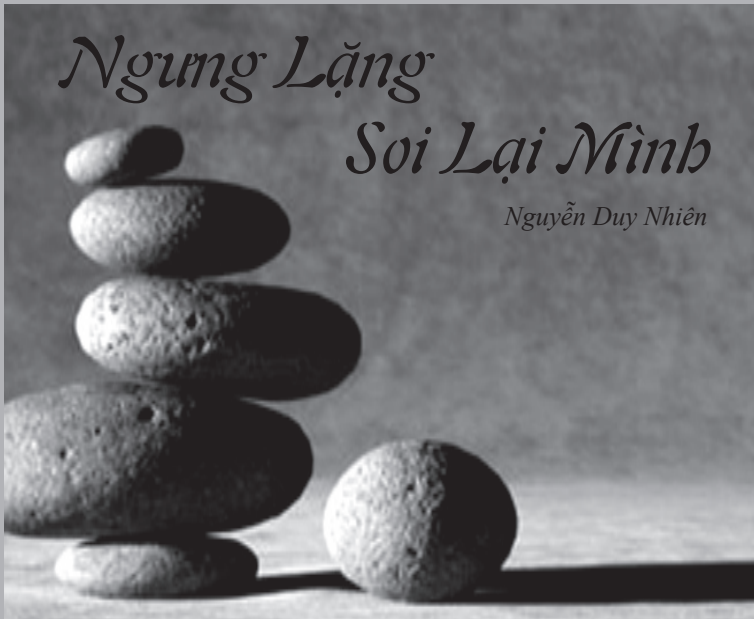
Bây giờ xác thân tứ đại của Thầy đã được an nghỉ. Tang lễ đã trôi qua, đau thương lắng đọng; các sinh hoạt thường nhật lại trở về với Châu Lâm lặng lẽ. Sự hiện diện hình thể của Thầy không còn nữa, nhưng những đức tính Thầy để lại là sự hiện diện mạnh mẽ giúp tôi cảm thấy như chưa bao giờ mất Thầy; đó là những bài học vô ngôn sẽ giúp anh em chúng tôi ở lại với nhau trong chân tình, hòa ái.

*“Sinh tự hà lai
Tử tùng hà khứ...”*

Hương khói Châu Lâm sẽ tan biến vào những ngọn gió hắt hiu trên đồi Dương Xuân thượng, nơi thầy đã đến như một vầng trăng sáng, và ra đi như áng mây nhẹ trôi qua trời xứ Huế...

Với sự đến và đi như vậy, chúng con hôm nay mất Thầy, nhưng chưa từng xa Thầy trong khoảnh khắc.

Vĩnh biệt ly...
Hằng hội ngộ.



Vào những ngày nghỉ cuối tuần, tôi thường ra một quán cà phê hay tiệm sách gần nhà để ngồi đọc sách. Ở bên này có những tiệm sách lớn, bên trong có hàng bán cà phê với những chiếc bàn nhỏ, chúng ta có thể ngồi uống nước, đọc sách hay viết lách gì cũng được, rất thích và tiện lợi.

Có một lần ngồi nơi chiếc bàn nhỏ trong góc phòng, tôi

nghe họ mở bài hát “*Send In the Clowns*”. Bài hát có nhịp điệu chậm, với những nốt nhạc đều đều như một lời thở than. Tôi vẫn nghe bài hát này rất nhiều lần nhưng có lẽ chưa bao giờ hiểu ý tác giả! Có người bạn giải thích rằng, ngày xưa trong những gánh xiếc, mỗi khi có những màn trình diễn nào nguy hiểm nếu lỡ có tai nạn xảy ra, thường có một anh hề chạy vào sân khấu làm trò để che lấp, đánh

lạc hướng chú ý của khán giả. Và trong cuộc đời cũng vậy, mỗi khi gặp khổ đau, đôi khi người ta cũng muốn tìm kiếm một niềm vui tạm bợ nào đó, để khỏa lấp vấn đề. Bài hát ấy là của một nhân vật trong một vở nhạc kịch, cô ta than thở và mỉa mai những thất vọng trong cuộc sống của mình, *send in the clowns*. Và cô hy vọng rằng, sang năm sau đời cô sẽ có nhiều hạnh phúc hơn, *well, may be next year...*

Mà cuộc đời này thì có bao giờ mà lại không còn những thất vọng bạn nhỉ? Chắc bạn còn nhớ câu chuyện về người mẹ trẻ mất một đứa con nhỏ. Cô tìm gặp đức Phật và cầu xin Ngài làm cho đứa con yêu dấu được sống lại. Đức Phật bảo cô hãy đi xin một hạt cải từ một căn nhà nào mà trong gia đình chưa từng có người

chết. Cô đi từ sáng đến chiều, nhưng nhà nào cô gõ cửa hỏi cũng đều có người đã qua đời. Rồi đến một lúc cô chợt *hiếu*! Điều cô mong muốn, nó không hiện hữu trên cuộc đời này.

Bạn nghĩ gì về lời khuyên của Phật cho người mẹ trẻ ấy! Đức Phật không thuyết giảng cho cô nghe về lý vô thường, về khổ đau, về những mất mát trong cuộc đời. Ngài chỉ khuyên cô hãy tự tìm kiếm đi, hãy nhìn và lắng nghe đi, và rồi mình sẽ *hiếu*. Và nhờ vậy mà cô thôi không còn ôm ấp một khổ đau chung, và nhận đó là chỉ của riêng chính mình. Có những khổ đau to tát quá, câu hỏi bao la quá, mà ngôn ngữ không thể nào diễn đạt được. Nhiều khi sự giải thích chỉ làm người ta vướng mắc thêm thôi.

Một Không Gian Mới

Mấy ngày nay trời mưa thật nhiều. Tôi nghe nói mùa đông năm nay sẽ

lạnh hơn mọi năm. Mới đầu tháng chín mà đã thấy có vài chòm lá đổi màu. Sáng nay

trời vẫn vũ mây đen âm u cả ngày. Sau những ngày mưa, con suối trên Trung Tâm của chúng tôi ngập nước, những làn nước trong chảy mạnh mẽ tràn qua các khe đá lớn. Con suối nhỏ nhưng tiếng nước chảy róc rách vang thật xa trong khu rừng. Tôi nghe Duy kể, có lần chúng nó rủ nhau đi ngược lên dòng suối để tìm xem nguồn nước. Nó tin nơi đó chắc phải có nhiều tuyết lắm. Nhưng bọn nó đã theo con suối đi ngược lên thật xa, mà vẫn chưa đến đâu, nên trở lại. Duy và mấy đứa bạn hẹn nhau vào một dịp khác. Chắc lần sau, tôi cũng xin đi theo bọn nó “thăm hiểm” để xem nguồn của con suối từ đâu.

Trung Tâm Sinh Thức chúng tôi có một không gian yên tĩnh cho những khóa tu học. Những khóa tu học là những dịp chúng tôi trở về để tập nhìn, tập lắng nghe, và thấy rõ lại chính mình hơn. Tôi nghĩ chúng ta rất cần những thời gian thực tập, để gây dựng và nuôi dưỡng một thói

quen tiếp xúc với hạnh phúc. Trong những khóa tu, chúng tôi cùng nhau thực tập những phương cách nuôi dưỡng chánh niệm (*mindfulness*). Chánh niệm có nghĩa là ta có ý thức sáng tỏ về những gì đang xảy ra trong giờ phút này. Và tôi cũng ý thức được một điều là chánh niệm *không phải để ta tìm hiểu nguyên nhân của vấn đề*, mà là giúp ta *thấy được điều gì đang thật sự xảy ra*. Điều ấy đã giúp tôi rất nhiều trong sự thực tập. Tôi kinh nghiệm rằng, chỉ cần thấy và cảm nhận được những gì xảy ra trong ta thôi, cũng mang lại một năng lượng giải thoát rất lớn. Mỗi khi giận, ta chỉ cần ý thức được biểu hiện của cơn giận ấy trong ta như thế nào, trong cảm giác nơi thân, qua những xúc động của mình... Thấy được rồi, ta sẽ bớt để bị chúng sai xử mình thêm. Chúng ta không cần hỏi tại sao, không cần tìm hiểu nguyên nhân, chỉ cần *nhận diện* thôi cũng là đủ! Bạn có thấy vậy không? Mỗi khi ta càng cố gắng tìm hiểu vấn đề

bao nhiêu, là ta lại càng bị nó
dẫn dắt đi theo con đường mòn

cũ, của một cái tôi nhỏ bé của
mình mà thôi.

Ngưng Lặng Soi Lại Mình

Nhưng muốn thấy cho rõ thì ta cần phải biết dừng lại phải không bạn! Có ai cứ hấp tấp, vội vã mà lại thấy được việc gì đang xảy ra bao giờ đâu! Ông Trang Tử có viết: *“Người ta, không ai lại soi mình ở dòng nước chảy, mà soi mình ở dòng nước dừng. Chỉ có cái gì ngưng lặng mới có thể làm cho người khác ngưng lặng được.”* Những khóa tu giúp chúng tôi ngưng lặng lại để soi thấy chính mình. Tôi nghĩ, trong đời sống bận rộn hằng ngày chúng ta khó có một khả năng dừng lại, đầu mình có cố gắng đến đâu! Ta nhất định cần phải có một không gian mới. *Chỉ có cái gì ngưng lặng mới có thể làm cho người khác ngưng lặng được.* Khi mặt nước lặng yên ta sẽ thấy được cả một bầu trời.

Chánh niệm có khả năng

chuyển hóa những khó khăn và vấn đề nào nó soi sáng, nhưng sự chuyển hóa ấy phải là một tiến trình hữu cơ, *an organic process*. Sự chuyển hóa ấy là do một cái thấy và biết đơn thuần. Ví dụ như khi trong ta có một cơn giận khởi lên, nếu như ta có chánh niệm và ý thức được là mình đang giận, thì chuyện gì sẽ xảy ra? Ta sẽ trở nên hết giận chăng? Thật ra tôi nghĩ, chánh niệm về cái giận *không có nghĩa là ta sẽ trở nên hết giận*, mà là ta *thấy rõ được cái giận của mình*. Đó mới là quan trọng. Và khi ta thấy được cơn giận ấy trong ta, biểu hiện qua những cảm thọ và ý nghĩ của mình, thì sự chuyển hóa sẽ xảy ra tự nhiên thôi.

Một cái thấy sâu sắc sẽ mang lại cho ta một tự do rất lớn.

Tôi thấy mình có tự do hơn khi ta tập nhìn, chú ý, và không cần hỏi tại sao nữa! Mỗi khi phải đối diện với những hoàn cảnh khó khăn, bước vào những trường hợp khó xử, thay vì phân tách và lo âu, thì tôi chỉ tự nhớ quay lại nhìn những cảm xúc của

chính mình. Tôi tập thấy rõ những gì đang có mặt trong tôi. Khi ta thật sự có mặt với những gì đang xảy ra, thực tại sẽ trở nên sáng tỏ, và sự chuyển hóa sẽ xảy ra tự nhiên thôi. Nhưng lẽ dĩ nhiên nó cũng đòi hỏi sự thực tập của mình phải không bạn!

Thiền Tập là Một Công Việc Của Thân

Khi nói đến thiền tập chúng ta thường nghĩ rằng đó là một công việc của tâm ý. Chúng ta nghĩ rằng ngồi thiền có nghĩa là ta suy tư, quán chiếu, hoặc suy tưởng sâu xa về một vấn đề nào đó. Tôi thấy thiền tập cũng là một việc làm của thân. Tông phái thiền Tào Động có một phương châm thực tập là “*Just Sitting*”, chỉ cần ngồi thôi. Ngồi cho yên là đủ rồi. Ta ngồi cho thoải mái, cho an nhẹ, ngồi sao cho thân mình được thật nguyên vẹn và tỉnh giác, ta không cần phải phân tách, suy tư, quán chiếu, hay tìm hiểu gì hết. Khi thân ta

yên rồi thì tâm ta cũng sẽ được an. Ngọn đèn của mình còn lao chao quá thì những gì ta thấy cũng chỉ là những bóng dáng xưa cũ của chính mình mà thôi, phải thế không bạn?

Trong những khóa tu học tôi thấy người ta thường thắc mắc và đặt những câu hỏi như là tại sao, làm sao, như thế nào... nhiều quá! Phải chi mình hãy cứ thử tập ngồi lại cho yên trước đã. Mà thật ra, không phải khi ngồi yên rồi ta sẽ tìm thấy được câu trả lời đâu! Khi ngồi yên rồi, ta sẽ thấy thật sự mình *không* có

một câu hỏi nào hết, không có gì quan trọng cần phải được giải đáp hết.

Thiền tập cũng là một công việc của thân. Thiền tập đòi hỏi ta phải ngồi cho yên, đi đứng cho vững chãi, nói năng cho tĩnh lặng. Và có thầy còn khuyên chúng ta hãy tập mỉm cười với những gì đang có mặt với ta. Ta mỉm cười với mặt trời hồng buổi sáng, với áng mây tím buổi chiều. Chúng ta tập mỉm cười với buổi sáng thứ Hai trong sở làm, mỉm cười với một ngày mưa, với một chiếc lá đẹp, một bài nhạc hay, khi chiếc xe của mình có vấn đề, khi lòng mình đang bất an, khi cơ thể mình có một cơn đau... Mấy tháng trước nướu răng tôi bị đau, tôi có đi bác sĩ vài lần nhưng cũng không thấy bớt. Thấy tôi cứ trở lại phàn nàn, vị bác sĩ có lẽ hơi bức mình, ông nói: “Anh biết không, nướu anh bị đau vì nó đang yếu, cần thời gian mới lành hẳn lại. Mà anh cũng nên mừng đi vì nó còn tốt nên anh mới còn thấy đau đó. Chứ

khi nào nó không đau nữa thì chừng đó anh hãy lo và phàn nàn!” Cái đau cũng là một dấu hiệu của sự sống bạn nhỉ? Và mỗi ngày tôi tập mỉm cười với cái đau của mình. Chúng ta hãy làm tất cả những gì mình cần làm để cuộc sống nhẹ nhàng hơn, nhưng cũng nhớ tập mỉm cười với tất cả bạn nhé!

Trong cuộc sống sẽ có những vấn đề, những khó khăn xảy đến cho chúng ta, không tránh được. Chúng như là một mũi tên bắn vào thân ta. Nhưng chúng ta lại thường tự bắn thêm cho mình một mũi tên thứ hai trong tâm, đó là sự buồn khổ, lo âu, tưởng tượng... của mình đối với chúng. Đức Phật khuyên chúng ta đừng nên mang khổ đau chồng lên thêm khổ đau làm gì. Đừng tự bắn cho mình thêm mũi tên thứ hai! Hãy tập mỉm cười với mũi tên thứ nhất, để mũi tên thứ hai trở thành một bàn tay âm áp chở che của tâm từ, nhờ vậy mà vết thương của ta cũng sẽ được mau lành hơn.

Hạnh Phúc Ở Nơi Mình Đang Ngồi

Tôi đến mua một ly cà phê nóng và đi xuống dãy kệ sách về tâm lý học, *self-help*, và tôn giáo trong tiệm sách. Bạn có biết những quyển sách bán chạy ngày nay có tựa đề liên quan đến đề tài nào nhiều nhất không? Hạnh phúc! Trên kệ tôi thấy có rất nhiều quyển sách với tựa đề về “*happiness*”! Chúng ta đang sống giữa một xã hội có đầy đủ hết những nhu cầu vật chất, nhưng người ta vẫn cảm thấy trống vắng và thiếu thốn, và đi tìm kiếm hạnh phúc. Tôi thấy ngày nay những quyển sách viết về hạnh phúc thường nhắc đến việc sống trong giờ phút hiện tại. Thật ra tôi không chắc đó có phải là một lời khuyên khôn khéo lắm không! Hiện tại bao giờ cũng có mặt, nhưng thế nào mới là thật sự sống bạn nhỉ? Chúng ta ai cũng có thể trả lời

được, nhưng mình thật sự có hạnh phúc không!

Trong khóa tu vừa qua số người về tham dự ở Trung Tâm cũng khá đông. Chúng tôi về đây không phải để đi tìm hạnh phúc, mà là tập trở về tiếp xúc lại với hạnh phúc. Trong khóa tu, Thầy có đọc cho chúng tôi nghe một câu thư pháp rất “thiền”: “*Có khi lỗi hẹn một giờ, lần sau muốn gặp phải chờ trăm năm.*” Theo tôi nghĩ, chúng ta lỡ hẹn với giây phút hiện tại này không phải vì mình chần chờ, do dự, mà phần lớn cũng tại vì mình hấp tấp và vội vã quá đi thôi. Ta hãy tập mỉm cười và ngồi lại đây, để mình không phải lỗi hẹn với giây phút này. Hôm nay trời trở lạnh và nhiều mây. Dường như trời đất cũng vừa mới sang mùa vào cơn mưa buổi sáng nay! ■





Đường về hạnh phúc

NGUYỄN CHÂU

C on đường đi đến đời sống an lạc và hạnh phúc có muôn lối ngàn nẻo, mỗi chúng ta có thể chọn cho mình một pháp môn thích

hợp để có được một giá trị đích thực cho cuộc sống. Cái gần gũi với đời sống chúng ta nhất là hơi thở. Nó là đối tượng mà chúng

ta dễ có điều kiện để tiếp xúc. Nhưng thực ra, trong mỗi chúng ta, mấy ai đã tiếp xúc với hơi thở, và mấy khi chúng ta trở về với hơi thở trong chính ta? Trở về với hơi thở của chính ta như thế há không phải là một bước mẫu nhiệm của việc thực tập hay sao?

Hơi thở là cái bình thường nhất, và cũng là mẫu nhiệm nhất. Nó cùng với trái tim tạo nên căn bản sự sống, nó gắn liền trực tiếp với sinh mạng của chúng ta. Bởi vậy, điều chính yếu của sự sống là trái tim và hơi thở.

Phép quán niệm hơi thở giúp ta trở về với thực tại, trở về với sự sống của chính mình, nhận chân được sự hiện hữu và giá trị của sự sống. Đức Phật dạy: *“Quý vị khất sĩ! Phép quán niệm hơi thở, nếu được phát triển và thực tập liên tục, sẽ đem lại những thành quả và lợi lạc lớn, có thể làm thành tựu bốn lãnh vực quán niệm; bốn lãnh vực quán niệm nếu được*

phát triển và thực tập liên tục, sẽ làm thành tựu bảy yếu tố giác ngộ; bảy yếu tố giác ngộ nếu được thực tập liên tục sẽ đưa đến trí tuệ và giải thoát.” (Kinh Quán niệm hơi thở, trích Thiền môn Nhật Tụng 2000, Thích Nhất Hạnh dịch, Nxb Tôn giáo, 2004, trang 36).

Hơi thở là sự sống mẫu nhiệm, là phương thức thần diệu để rũ bỏ những tâm hành ràng buộc trong ta như bực bội, gắt gỏng, lo âu, sợ hãi và nghi ngờ... Nếu chúng ta quán chiếu thật sâu từng hơi thở chúng ta sẽ thấy hơi thở này là hơi thở của cha mẹ, tổ tiên, ông bà, là hơi thở của dòng họ tâm linh và huyết thống; là hơi thở của giang sơn tổ quốc, của mọi người và mọi loài.

Khi chúng ta sống có ý thức trong từng hơi thở thì chúng ta sẽ cảm thấy rất hạnh phúc. Chúng ta cảm thấy mừng vui khi biết rằng mình có phước báo hơn các sinh vật khác, và có hạnh phúc hơn những người

đang bị giam hãm tù đầy.

Bởi vậy, khi đón nhận hơi thở, chúng ta phải biết cách trân quý, nuôi dưỡng và chăm sóc hơi thở ấy, rồi từ đó mới có thể vun trồng bằng cách nào đó để cho thân và tâm được an tịnh, biết rõ mọi cảm thọ và vạn pháp đang diễn ra.

Khi theo dõi hơi thở một cách có ý thức chúng ta sẽ làm chủ được tất cả những hành động của thân, biết rõ tường tận mọi trạng thái đang xảy ra trong thân, nhận diện được sự giả hợp và biến chuyển của nó. Càng thực tập, thì toàn thân chúng ta càng trở nên an tịnh, không còn phải lao theo những tiếng gọi đời thường, không còn đơn phương phát

ra những ngôn từ thiếu chất liệu ái ngữ, không còn tạo ra những ngục tù giam hãm trong chính bản thân mình và những người chung quanh. Quán niệm về hơi thở trên lĩnh vực thân thể, trước hết là phát khởi ý thức về hơi thở: *“Thở vào với ý thức mình mãi là mình đang thở vào, thở ra với ý thức mình mãi là mình đang thở ra.”* Trở về với hơi thở có ý thức sẽ đưa ta trở về với chính ta, sẽ giúp ta tiếp xúc với sự sống mẫu nhiệm trong ta và chung quanh ta.

Lại nữa, từ sự thực tập quán niệm hơi thở, chúng ta có thể nhận diện, quán chiếu các cảm thọ đang có mặt trên thân và tâm. Biết rõ các cảm thọ (dễ chịu, khó chịu và trung tính) này do đâu mà có, chúng đang hiện diện như thế nào, hậu quả của chúng ra sao khi ấy chúng ta sẽ thoát ra được mọi sự khống chế của thân hành, sẽ có một cái nhìn thấu triệt, một tâm hồn bao dung, vị tha. *“Tôi đang thở vào và làm an tịnh*



cảm thọ trong tôi; tôi đang thở ra và làm an tịnh cảm thọ trong tôi.”

Tới đây, ta bước sang lĩnh vực quán niệm tâm ý. Quán chiếu về tâm ý như vậy, có nghĩa là quán chiếu về các loại dục vọng [ngũ dục: tài dục (ham giàu sang), sắc dục (ham dâm sắc), danh dục (ham danh vọng), thực dục (ham cao lương mỹ vị), thù dục (ham ngủ nhiều)]. Ngoài ra, hành giả còn quán niệm để thấy rõ tâm của mình có thiện căn hay không có thiện căn, quán niệm về tình trạng ô nhiễm hay thanh tịnh của tâm hành, quán chiếu về tâm có giải thoát hay không có giải thoát... Sự thực tập quán niệm hơi thở sẽ giúp cho hành giả thâm nhập tâm ý, làm cho tâm ý được an tịnh, vượt khỏi mọi tham đắm cũng như mọi chán ghét đối với cuộc đời. Từ đó tâm của hành giả mới trở nên mát dịu, thấy rõ được trời xanh, mây trắng. “*Ta đang thở vào và có ý thức về những hoạt động tâm ý trong ta, ta*

đang thở ra và có ý thức về những hoạt động tâm ý trong ta; ta đang thở vào và làm cho những hoạt động tâm ý trong ta được thanh tịnh, ta đang thở ra và làm cho những hoạt động tâm ý trong ta được thanh tịnh.” (Kinh Quán niệm hơi thở, sđd).

Lại nữa, khi quán chiếu về hơi thở một cách sâu sắc thì hành giả sẽ phát kiến được tính duyên sinh, vô thường và vô ngã của vạn pháp. Nhờ thấy được như thế, nên tâm của hành giả không còn ý tưởng tham cầu, vướng mắc đối với vạn pháp, vượt ra ngoài mọi cực đoan của cuộc đời. “*Ta đang thở vào và quán chiếu tính vô thường của vạn pháp, ta đang thở ra và quán chiếu về tính vô thường của vạn pháp; ta đang thở vào và quán chiếu về bản chất không sinh diệt của vạn pháp, ta đang thở ra và quán chiếu về bản chất không sinh diệt của vạn pháp.”* (Kinh Quán niệm hơi thở, sđd).

Khi hành giả đã thực sự an trú trong phép quán thân trong thân, quán cảm thọ trong cảm thọ, quán tâm ý trong tâm ý, quán đối tượng tâm ý trong tâm ý, thì lúc ấy năng lượng chánh niệm được thành tựu, tinh tiến, tinh thức trong mọi động thái của thân và tâm, và hành giả bắt đầu đạt được yếu tố thứ nhất là Niệm. Niệm là yếu tố đầu tiên trong bảy yếu tố giác ngộ, làm nền tảng để phát triển những yếu tố giác ngộ



về sau này. Niệm luôn luôn ghi nhận và biết một cách rõ ràng những trạng thái định và tuệ (chỉ và quán) ở nơi tự tâm. Trên nền tảng này, hành giả tiếp tục quán chiếu để quyết trạch (trạch pháp) về các pháp. Quyết trạch tức là dùng trí tuệ để chọn lựa và biết rõ pháp nào là pháp đưa đến cảnh giới sanh tử, pháp nào thì đem lại an lạc và hạnh phúc.

Sau khi đã chọn pháp hành đúng lý và cơ, hành giả tiếp tục nỗ lực thực hành thường xuyên theo pháp đã chọn ấy, để tâm luôn thăng tiến ở trong đời sống giải thoát và giác ngộ, đó là Tinh tấn.

Khi hành giả đi vững chãi và bền bỉ trên con đường Chánh đạo, thì tâm hành giả phát khởi niềm vui, yếu tố Hỷ lạc thành tựu.

Hành giả tiếp tục an trú trong trạng thái hỷ lạc, cảm thấy thân và tâm nhẹ nhàng, an tịnh và linh hoạt. Đây là giai đoạn mà hành giả đã

làm chủ được trạng thái vui, buồn, yêu, ghét... và bắt đầu vượt trên những thứ đó. Bây giờ, yếu tố thứ năm được sinh khởi và phát triển, đó là yếu tố Khinh an.

Sau khi đạt được yếu tố khinh an, hành giả tiếp tục thực tập và đi vào Định một cách dễ dàng. Tâm của hành giả hướng đến và an trú vào một đối tượng duy nhất, không còn tán loạn. Mỗi bước chân, mỗi hơi thở, mỗi cái nhìn... tất cả đều an trú trong định, rồi đến và đi một cách thông dong; không còn bị ràng buộc bởi những lề lối hạn hẹp của đời thường, mang lại sự tĩnh lặng, an lạc, tự do và thanh thoi. Lúc này yếu tố thứ bảy thành tựu, đó là Hành xả. Hành xả tức là các pháp vận hành thuộc về tâm sở đã bị loại trừ, tâm của hành giả hoàn toàn ở trong các trạng thái an tịnh và thuần nhất.

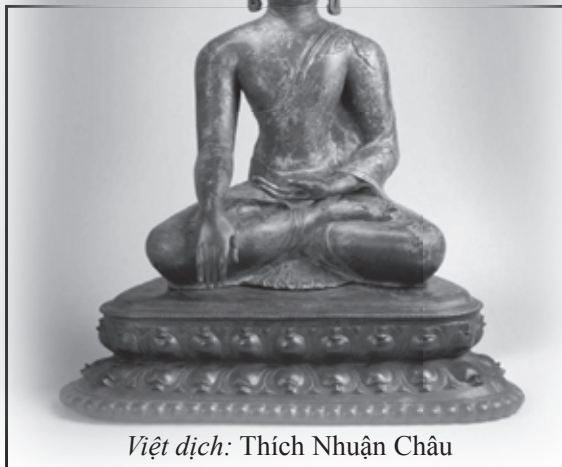
Khi đã đạt được bảy yếu tố giác ngộ này rồi, thì hành giả sẽ bước những bước

thanh thoi, thừa hưởng được sự mát mẻ của dòng suối thương yêu trên con đường trở về bên bờ giác ngộ, xem sự thịnh suy trong cõi phù du chỉ như hạt sương trên đầu ngọn cỏ.

Phương pháp quán niệm hơi thở là phương thức thực tập thiền quán căn bản nhất, mà bất cứ ai muốn đi vào con đường hạnh phúc đều phải kinh qua; là phương pháp quán sát vạn pháp mà không có định kiến nào. Cứ quán sát đi, đừng có một ý niệm phân biệt, phán đoán hay lượng định đối với các pháp mà ta đang quán chiếu; có như thế thì tự tính của các pháp ấy mới hiển lộ. Và có như vậy ta mới đạt được sự bất sinh, bất diệt, tương tức và tương nhập; trở về tiếp xúc với những hiện tượng màu nhiệm của cuộc sống như một buổi mai đẹp trời, một đêm trăng thu, một đóa hoa vàng tươi, v.v... ■



LUẬN LÝ HỌC PHẬT GIÁO



Việt dịch: Thích Nhuận Châu

(tiếp theo HP 14)

THỰC TẠI VÀ NHẬN THỨC LUẬN

(*pramāṇya-vāda*)¹

1. Phạm vi và mục tiêu của Luận lý học Phật giáo

“Mọi hành vi thành tựu của con người đều (nhất thiết) được định trước bởi nhận thức đúng đắn, do vậy chúng ta sẽ nghiên cứu đến điều ấy.”² Với những dòng này, Pháp Xứng (*Dharmakīrti*) đã định nghĩa phạm vi và mục tiêu³ của Luận lý học trong tác phẩm mà ngài đã công hiến. Mục tiêu của

¹ *pramāṇya-vāda*: nhận thức luận, lượng học. Do *pramāṇya* có các nghĩa: điều chỉnh, minh thị, lập chứng; *vāda*: luận, môn học.

² NB., transl. p 1.

³ *abhidheya-prayojane*.

con người là hoặc xác định hoặc phủ định, hoặc thích hoặc không thích.⁴ Hành vi có ý định cốt là ở sự ưa thích và tránh những cái không thích. Nhận thức đúng đắn⁵ là một nhận thức thành tựu, có nghĩa là, nhận thức tùy theo sự phân tích và phán đoán,⁶ cái mà trở lại, được theo sau bởi một mục tiêu thành tựu đúng đắn.⁷ Nhận thức nào dẫn đến sự lệch lạc, dẫn dụ chúng sinh vào trong tham vọng si mê, thì đó là nhận thức sai lầm hoặc gọi là tà kiến, là vọng thức.⁸ Ngu mê và điên đảo⁹ là nghịch với chánh kiến. Điên đảo lại là một dạng trùng phức.¹⁰ Nó hoàn toàn ngu mê chẳng có một chút hiểu biết nào, vì nó gồm cả không có sự quyết đoán lẫn không có sự nhận thức. Chẳng có một tác dụng nào phát sinh từ điên đảo như vậy cả. Nhưng khi nó có một mong cầu thành tựu, hoặc có ý lo sợ về sự thất bại nào đó,¹¹ thì nó lại cần phải có nhận thức và hành động, thì nó chính là nhận thức đúng đắn vậy. Người nông dân không chắc sẽ có được mùa gặt tốt đẹp, nhưng anh ta mong ước được như vậy, và điều ấy dẫn đến hành động.¹² Vợ anh ta chắc là không mong nhà mình sẽ được các vị tăng đến khát thực khiến cô ta phải san sẻ cho họ những thức ăn mà cô ta dự tính cho những người khác, cô ta trông mong rằng đừng có ai đến cả, và cô ta bắt nồi lên bếp.¹³

Như trên đã đưa ra định nghĩa của Pháp Xứng, nó chẳng xa

⁴ pravātti = artha-kriyā.

⁵ heya-upādeya.

⁶ adhyavasāya = niścaya

⁷ puruṣārtha-siddhi

⁸ mithyā-jñāna: ngộ giải, tà trí, vọng thức, vọng kiến.

⁹ saṁśaya-viparyayāu. *saṁśaya*: ngu si do dự; *viparyayāu*: điên đảo; e: error and doubt.

¹⁰ E: doubt kind.

¹¹ *anartha-saṁśaya*: bất lợi ích, vô sở dụng.

¹² TSP., p. 3. 5.

¹³ Ibid., cp. SDS., p. 4.

lạ gì với người thừa nhận môn tâm lý học hiện đại (modern psychology). Tâm lý học được định nghĩa như là bộ môn khoa học về hiện tượng tinh thần, và hiện tượng tinh thần là những gì được mô tả “theo đuổi mục đích cuối cùng và chọn lựa phương cách để đạt sự thành tựu”.¹⁴ Phạm vi của bộ môn khoa học ở Ấn Độ này chỉ giới hạn vào sự khảo sát các trạng trạng nhận biết của thức, về cái đúng và sai, và về tri thức của con người. Những yếu tố xúc cảm của tâm không được khảo sát đối với bộ môn khoa học này. Từ định nghĩa chính thức về trạng trạng của tri lượng, cho ta biết rằng luôn luôn có cái gì đó, dù là rất vi tế và nhạy cảm trong mỗi nhận thức, hoặc trong những niềm mong ước hoặc trong cả những điều ghét bỏ.¹⁵ Sự kiện này có một tầm quan trọng đáng kể trong lý thuyết về sự nhận thức của Phật giáo, vì rằng yếu tính của cái gọi là Ngã (Ego) được cho rằng chỉ gồm phần thuộc về cảm xúc. Nhưng khi khảo sát chi tiết toàn bộ các mối xúc cảm và những giá trị đạo đức cấu thành vấn đề chủ thể của các bộ môn Phật học¹⁶ khác, thì nó không được xếp vào trong phạm trù của sự khảo sát về cái đúng và sai.

Như đã được đề cập trong chương giới thiệu, Luận lý học Phật

¹⁴ W. James, *Psychology*, I.8 (1890).

¹⁵ Định nghĩa này về chân hiện lượng, do tri thức tùy thuộc vào tham muốn hoặc vọng tưởng của con người, khơi dậy đối tượng từ thực tại. Nó chỉ cho thực tế là, có cái như là nhận biết chính xác về mặt trắng và các vì sao mà không tùy thuộc vào ý muốn của người quán sát, nó không được bao hàm trong dạng đối tượng được khơi dậy hoặc đối tượng không được khơi dậy, nó chỉ đơn thuần là bất khả đắc. Đối tượng này được Phật giáo trả lời qua tuyên bố rằng dạng bất khả đắc phải được bao hàm trong cái vô tham, vì có hai dạng đối tượng, một là mong ước để có và một là không có nguyên nhân để ham muốn, dù nó chỉ là có hại hoặc chỉ là bất khả đắc. Cp.Tātp, p. 15. 7 ff.

¹⁶ Sự phân loại về tâm sở pháp hoàn chỉnh, bao gồm mọi cảm xúc là từ trong A-tỳ-đạt-ma. cp. CC,p. 100 ff.

giáo ra đời như một phản ứng lại quy mô hệ thống học thuyết hoài nghi (skepticism), vốn câu thúc tri thức loài người như bị mắc vào trong một mớ lý thuyết chứa đầy mâu thuẫn vô vọng. Vấn đề cơ bản là đối với những gì nó liên quan, do vậy, sự đáng tin cậy của nhận thức chúng ta, có nghĩa là, của các hiện tượng tâm lý đều diễn biến trước mọi hành động thành tựu có dự tính. Luận lý học Phật giáo khảo sát căn nguyên tri thức, cảm giác, sự phản tỉnh, quan niệm, phán đoán, suy luận và còn bao gồm cả những học thuyết chi ly về phương pháp suy luận (syllogism) và luận thuyết nguy biện (fallacy). Thế nên nó gặp phải vấn đề thực tại của đối tượng nhận thức và tính hiệu quả của tâm hư vọng (conceptual thought). Một loạt nhiều vấn đề nảy sinh. Cái gì là thực tại? Cái gì là tâm hư vọng? Nó liên hệ với nhau như thế nào? Cái gì là thực hữu¹⁷ và cái gì là hiện hữu do tưởng tượng?¹⁸ Cái gì là tác dụng của nhân duyên?¹⁹

Tiềm thức²⁰ không phải là chủ đề để nghiên cứu. Luận lý học Phật giáo tự nhận rằng chỉ khảo sát về tâm thức hư vọng,²¹ những suy luận vốn đích xác là căn nguyên của hành động có mục đích theo sau. Bỏ qua bản năng riêng tư và suy nghĩ thú tính, vì nó luôn luôn kèm theo ít nhiều bản năng trong hành vi để đạt được sự kích thích trực tiếp, hầu như là tự động.²² Sự hiện hữu yếu tố trung gian của chuỗi nhân duyên là không thể nào xác định được. Đứa trẻ sơ sinh và súc vật đều bẩm

¹⁷ S: sattā-mātra; e: bare reality. Hán dịch: Hữu tồn tại 有存在, hữu tướng 有相, thực hữu 實有.

¹⁸ kalpanā-mātra; e: mere thought. Hán dịch: Vọng tưởng lượng 妄想量, Duy thị vọng tưởng 唯是妄想, thử giai thị vọng tưởng 此皆是妄想.

¹⁹ artha-khiyā-samartha; e: causal efficacy.

²⁰ E: subliminal part of the consciousness.

²¹ E: discursive thought. Chỉ cho vọng tâm, tâm vọng tưởng, thức- tâm.

²² avicārataḥ = āpātataḥ ; e: quasi automatically.

thụ cảm xúc và bản năng được tạo sẵn ngay trước khi sinh ra,²³ mà không có được trọn vẹn nhận thức chân xác.²⁴ Chính Pháp Thượng (Dharmottara) phát biểu về đề tài này như sau: “Nhận thức đúng đắn có hai ý nghĩa, hoặc là theo bản năng, như được phản ánh qua phương cách hành động đúng đắn (trực tiếp), hoặc (gián tiếp), dẫn dắt ý định chúng ta về hướng đối tượng khả hữu cho một hành động có tác dụng tốt đẹp. Trong hai trường hợp này, chỉ có cái sau là đa dạng. Tri thức nào dẫn đến hành động có mục đích mới được khảo sát ở đây. Nó luôn luôn đi trước hành động có mục đích, nhưng không trực tiếp trình hiện (trong tướng trạng của hành động như vậy). Khi chúng ta đòi hỏi tất cả phải đúng đắn, chúng ta phải nhớ rằng trước đây chúng ta đã gặp những gì. Ký ức dẫn sinh năng lực ý chí. Sẽ đưa đến hành động, và hành động ấy đạt đến mục tiêu. Do vậy đó không phải là nguyên nhân trực tiếp (có nghĩa là, một nguyên nhân không có bất kỳ chuỗi xích nhân duyên nào). Trong trường hợp hành động đạt đến mục tiêu xuất hiện trực tiếp và mục đích đạt được ngay (nhận thức là bản năng và) nó không bị ảnh hưởng bởi sự phân tích.”

Như vậy, chính tâm suy lường, thức tâm, mới là đối tượng phân tích trong Luận lý học Phật giáo. Đề tài này sẽ được phân làm ba phần chính, tuần tự mỗi phần sẽ đề cập đến căn nguyên của nhận thức, dạng thức và ngôn từ biểu hiện. Ba chủ đề chính này được gọi là giác quan, suy luận và nhận định, nhưng chúng cũng liên quan với cảm giác như là khởi nguyên của tri thức chúng ta về thực tại khách quan, tri thức như là nguồn gốc phát sinh các hình thái nhận thức này và

²³ prāg-bhavīyā bhāvanā = avicārita-anusandhāna, Cp. *Upon instinct in animals and men*. NK. P, 252.

²⁴ pramāna = pramāna-bhūtā bhāvanā.

suy luận như là ngôn từ biểu hiện trọn vẹn của tiến trình nhận thức. Thế nên chúng chứa đựng cả nhận thức luận (epistemology) lẫn Luận lý học hình thức (formal logic).

2. Cái Gì Là Nguồn Gốc Của Nhận Thức

Xác định nguồn gốc của chân hiện lượng (right knowledge) chính là hệ quả tất yếu của định nghĩa về phạm vi và mục tiêu môn học muốn khảo sát. Cội nguồn của chân hiện lượng phải là kinh nghiệm nhận thức không hư vọng.²⁵ Trong đời thường, chúng ta có thể gọi một người có nguồn gốc nhận thức nếu người ấy nói điều chân thật và lời nói của anh ta không gây những kinh nghiệm sai lầm về sau.²⁶ Trong khoa học cũng thế, chúng ta có thể gọi nguồn gốc của tri lượng, hoặc đơn giản là nhận thức đúng đắn, mọi nhận thức không trái nghịch với kinh nghiệm, chỉ vì chân hiện lượng chẳng gì khác hơn chính là hành vi có mục đích đúng đắn.²⁷ Được tác động bởi tri lượng, chúng ta hành xử và nhắm đến mục đích. Có nghĩa là, chúng ta đạt đến mục tiêu, đó là mục đích của hành động chúng ta. Điểm này là cột mốc của hiệu quả chân thực²⁸ và là tiến trình diễn biến của sự đạt đến hành vi có tác dụng. Thế nên mối tương quan là sự thiết định giữa tính hợp lý (logic) của nhận thức chúng ta và hiệu quả thực tế của nó. Tri lượng chính là nhận thức có hiệu quả.²⁹

Nguồn gốc của nhận thức, nói nôm na có nghĩa là nguyên nhân của nhận thức. Nguyên nhân là bao gồm cả hai dạng,

²⁵ *pramāṇam avisaṇvādi*: bất hư nguy, vô hư vọng, cp. NBT, p.3.5.

²⁶ NB. Transl., p. 4.

²⁷ *puruṣa-artha-siddhi-kāraṇa*. e: successful purposive action.

²⁸ *artha kriyā-kṣamam vastu*. e: point of efficient reality

²⁹ NBT. P. 14,21. *prāpakam jñānam pramāṇam*; e: efficacious knowledge.

sở tác và năng tác.³⁰ Nếu nhận thức là một năng tác nhân (s: *kāraṇa*), trong ý nghĩa nguyên nhân vật lý, nó phải có nghĩa là bắt buộc người ta phát sinh một hành vi tương ứng.³¹ Nhưng nó chỉ mới nêu ra, mà chưa thực sự thúc đẩy, có nghĩa là vừa mới khởi ý.

Điều gì trước hết tác động đến chúng ta, trong định nghĩa về chân hiện lượng này, phải chăng như thể là cá tính thường nghiệm. Nhận thức là nhận thức hằng ngày. Đó không phải là tư duy về cái Tuyệt đối (Absolute), nhận thức về các hiện tượng đúng như chúng đang là, hoặc là nhận thức về sự có thực hay không có thực của thế giới khách quan. Người bình thường truy cầu sự hiểu biết thế giới khách quan bằng các giác quan của mình, họ tin rằng có mối liên quan mật thiết giữa các đối tượng này và giác quan của họ.³² Hoặc họ nhận thấy dấu tích của những điều khao khát đang ẩn tàng trong một nơi hoang vu nào đó, họ tin rằng có một mối quan hệ mật thiết giữa dấu tích của tri thức và mục tiêu đang ẩn giấu, họ tác ý và thành công.³³ Nhận thức mà những người bình thường này về sau, được mô tả bằng quy luật tất yếu của luận lý, đó chính là nhận thức được khoa học khảo sát bằng các phương pháp khoa học, chính Pháp Thượng (Dharmottara) đã tuyên bố như vậy.³⁴

Sẽ rất tự nhiên khi mong rằng khuynh hướng duy thực nói chung như vậy sẽ phát sinh một hệ thống luận lý duy thực. Thực vậy, Nguyệt Xứng (*Candrakīrti*) mô tả về những nhà

³⁰ *kāraṇa-jñāpaka*; e: productive and informative. (*jñāpaka*: Hán dịch: quy tắc, chứng, giáo quy).

³¹ NBT, P, 3.8

³² NBT, P, 3,12

³³ Ibid, p,3.15

³⁴ Ibid, 3, 24

Luận lý học Phật giáo cho chúng ta biết khi ông tự thể hiện mình theo cách như sau.³⁵ “Chúng ta chỉ đưa ra một phác thảo có tính chặt chẽ từ những gì diễn ra ngay trong đời sống hằng ngày liên quan đến nguồn gốc của nhận thức chúng ta và lĩnh vực đối tượng của nó. Những người thuộc phái Chính lý (*Naiyāyika*) cũng chính là những người theo thuyết Duy thực (Realist), nhưng họ là những người vụng về trong phương pháp luận lý, họ đã đưa ra những định nghĩa sai lầm về tiến trình Luận lý học, và chúng ta phải điều chỉnh lại cho đúng đắn.”

Nguyệt Xứng nhận xét rằng điều này sẽ trở thành việc làm vô ích và ngớ ngẩn nếu thực sự không có khoảng cách nào giữa thuyết Duy thực của Chính lý phái và Luận lý học Phật giáo. Tuy nhiên điều này đã không xảy ra. Các luận giải Phật học bổ sung cho môn Luận lý đã dẫn đến sự khám phá một thế giới khác đằng sau thế giới duy thực ngây thơ, thế giới mà nó tự phơi bày thành một lý thuyết then chốt về nhận thức. Luận lý học Phật giáo, khi so sánh với quan điểm hoài nghi cực đoan của Nguyệt Xứng, lộ ra như một hệ thống học thuyết duy thực, nhưng khi so sánh với hệ quả và tính cách không thoả hiệp của thuyết duy thực của những người thuộc phái Chính lý (*Naiyāyika*), nó xuất hiện như sự chỉ trích và bác bỏ. Quán chiếu sâu sắc hơn những gì diễn ra trong nhận thức hằng ngày của chúng ta đã dẫn Luận lý học Phật giáo lập từ phía sau kinh nghiệm thực tại một hiện hữu cội nguồn tiên nghiệm của chính nó, là thế giới của những hiện tượng như chúng đang hiện hữu. Theo Nguyệt Xứng, thực tại tối hậu chỉ có thể thực chứng bằng trực giác siêu việt.³⁶ Do vậy ông lên án nó như là thứ luận lý vô dụng hằng ngày hơn là

³⁵ Cp. Candrakīrti *madhy vṛtti*, p, 58, 14 ff., transl, Nirvāṇa, p, 140.

³⁶ Ibid, *Nirvāṇa*, p, 44 iff.

thứ luận lý đơn giản của đời sống thường nhật. Nhưng đối với Trần-na (Dinnāga), như chúng ta thấy trong bài phân tích này, môn Luận lý học đã có nền tảng vững chắc nhờ sự thiết định một thực tại có tác dụng; tuy vậy, đó là một thực tại khác hẳn với điều mà các nhà duy thực ngây thơ tin tưởng.

3. Nhận Thức Và Sự Nhận Biết

Có một đặc trưng khác về phương pháp đúng đắn của nhận thức bên cạnh đặc điểm kinh nghiệm phi mâu thuẫn (*uncontradicted experience*). Nhận thức là nhận thức về điều chưa biết,³⁷ nhận thức về đối tượng chưa biết. Đó là khoảnh khắc đầu tiên của nhận thức, khoảnh khắc của ý thức ban sơ, cơn chớp loé của tri giác, khi đốm sáng của nhận thức vừa được nhóm lên.³⁸ Nhận thức được duy trì lâu dài chính là sự nhận biết (recognition),³⁹ nó chẳng gì khác hơn chính là sự lặp lại của nhận thức trong giây phút tiếp theo cơn chớp loé ban sơ của tri giác. Chắc chắn nó tồn tại, nhưng không phải có một cội nguồn nhận thức khác biệt. Trần-na (Dinnāga) đặt vấn đề, “Tại sao như vậy?”,⁴⁰ và câu trả lời là “Bởi vì nó không có giới hạn.” Có nghĩa là nếu mỗi một nhận thức được xem như là nguồn gốc của tri lượng, thì sẽ không có chỗ tận cùng của cội nguồn nhận thức. Kí ức, tình yêu, oán hận... đều là ý định do đối tượng đã được nhận biết, nó không còn được xem như là cội nguồn nhận thức. Thành phần liên quan đến nhận thức trong tâm ý chúng ta bị giới hạn trong khoảnh

³⁷ *anadhigata-artha-adhigantṛ* = *prathamam avisaṃvādi* = *gsar-du mi-slu-ba*. – *anadhigata*; vị đắc– *adhigantṛ*: phát kiến giả, chứng đắc.

³⁸ NBT., p.3,11, *yenaiva jñānena prathamam adhigato ‘rthaḥ . . . tad anadhi-gata-viṣayam*

³⁹ *pratyabhijñā*, cp. NBT, p.4, 10, 12 *adhigata-viṣayam apramāṇam, anadhigata-viṣayam pramāṇam*.

⁴⁰ *pr*, *samucc*, I, 3,

khắc ấy khi chúng ta khởi ý thức ban đầu về sự hiện hữu của đối tượng. Nó được tiếp nối bởi tác dụng mang tính tổng hợp của tri thức vốn tạo nên hình dáng, ảnh tượng của đối tượng. Nhưng cấu trúc này được phát sinh bởi biến kế sở chấp,⁴¹ nó không phải là cội nguồn nhận thức. Nó chỉ là cái biết, không phải là nhận thức.⁴²

Những người theo phái Di-man-sai (Mīmāṃsakas) cũng có cùng định nghĩa về nguồn gốc của nhận thức, có nghĩa là, nguồn gốc của nhận thức là nhận thức về một đối tượng chưa được biết đến,⁴³ nhưng họ thừa nhận rằng đối tượng được duy trì và nhận thức đều được ghi nhận trong một thời điểm mới, nhưng cơ bản là chúng giống nhau, và chúng cùng tồn tại. Những người theo phái Chính lý (*Naiyāyika*) xác định nguồn gốc của tri lượng là “trội vượt nhất trong tất cả mọi thứ tạo nên nhận thức”,⁴⁴ những cái ấy tạo nên tri giác bằng các giác quan, suy luận v.v... Những định nghĩa này giả lập một nguyên nhân lâu dài, ổn định, duy trì nhận thức về thể giới cụ thể, đối tượng không thay đổi tồn tại với đặc tính tổng tướng và biệt tướng của chúng, vốn được nhận biết bởi một nhận thức tổng hợp thông qua cảm nhận với một sự pha trộn lớn lao của các yếu tố ký ức.⁴⁵

Phật giáo chỉ thừa nhận đối tượng khách quan như là những khoảnh khắc, như là những chuỗi sự kiện, và lập nên một sự phân biệt rõ ràng giữa ý thức và trí năng như là hai công cụ khác nhau của nhận thức. Ý thức nhận biết, trí năng lập

⁴¹ kalpanā = vikalpa; e: productive imagination.

⁴² savikalpakam apramāṇam. –savikalpaka: *hữu vọng tướng, cụ vọng tướng*

⁴³ anadhigata-artha-adhigantṛ pramāṇam.

⁴⁴ sādḥakatamam jñānasya kāraṇam pramāṇam.

⁴⁵ savikalpaka-pratyakṣa

thành. Thế nên khoảnh khắc đầu tiên luôn luôn là giây phút của cảm giác, nó có khả năng nhen nhúm những hành vi thuộc trí năng để phát khởi một tổng hợp các khoảnh khắc cho phù hợp với luật tắc riêng của chính nó.⁴⁶ Không có một thể giới cụ thể nào tương ứng thỏa đáng với tổng đề này trong thể giới khách quan. Nếu một đối tượng được nhận biết, khoảnh khắc đầu tiên của tri giác liền được theo sau bởi một hình ảnh sinh động.⁴⁷ Nếu nó được suy luận ra thông qua những tướng trạng của nó, thì cái phát sinh về sau cũng là một khoảnh khắc ban sơ của tri giác, vốn được theo sau bởi một hình ảnh sinh động về sự biểu hiện đầy hình tượng mờ hồ⁴⁸ của những đối tượng đa dạng có liên quan với chúng. Nhưng trong cả hai dạng, đó chỉ là khoảnh khắc đầu tiên của tri thức tạo thành khởi nguyên của tri lượng, cội nguồn của kinh nghiệm phi mâu thuẫn.

Thật khó nghĩ bàn khi một đối tượng sẽ phát sinh ra một tác nhân do sự hiện hữu từ trong quá khứ hoặc vị lai của nó.⁴⁹ Khoảnh khắc hiện tại chỉ phát sinh một tác nhân. Do vậy nhận thức như là nhận thức mới, không phải là sự nhận biết, chỉ là một khoảnh khắc và khoảnh khắc này chính là nguồn gốc chân thực của chân hiện lượng đạt đến thực tại tuyệt đối của khách thể.⁵⁰

(còn tiếp)

⁴⁶ Ts, p, 390. avikalpakam api jñānam vikalpotpatti-śaktimat.

⁴⁷ *sphutābha*; sphutā: mẫn khai, minh bạch, lưu biến, liễu nhiên, châu biến...

⁴⁸ *asphuta*: bất minh liễu 不明瞭, bất chính xác 不正確, phi sở biến 非所遍.

⁴⁹ Nk. P, 260. 4. na santāno nāma kaścid eka utpādaḥ samasti.

⁵⁰ Phái Chính lý (Naiyāyika) và Di-man-sai (Mīmāṃsā) tất nhiên bác bỏ thuyết này—*katham pūrvam eva pramāṇam nottarāṇy api*, cp. Tātp., p. 15.6.

TỊNH BÌNH THỦY

NINH GIANG THU CÚC

(Cảm niệm
Đức Quán Thế Âm Bồ tát
nhân ngày 19.9)

Cảm ứng tùy thời thị hiện ngay
Nước sôi lửa bỏng khổ oan dày
Chuyên tâm cầu nguyện toàn tâm tưởng
Quán thế bao điều chiêu cảm ngay

Trùng trùng duyên khởi, trùng trùng quả
Nghiệp lực tiêu tan một niệm cầu
Mê lộ thoát vòng quy chánh niệm
Ngọc châu bùng tỏa nhiệm mầu thay.

Thập nhị nguyện cam lồ tịnh thủy
Lửa ưu phiền tam muội tiêu tan
Mát lòng cùng tử - hân hoan
Nương thân pháp giới đạo tràng tịnh nhiên.

Phổ Môn phẩm - kỳ yên độ chúng
Hạnh nguyện Người - giữa cõi Diêm phù
Chúng sanh tinh tấn công phu
Tâm tư hạnh lạc chân như tổ tường.



CUỘC SỐNG NHIỆM MÀU

Nguyễn Minh

Thử nhìn vào cuộc sống

Trong suốt những năm tháng đã trôi qua trong cuộc đời, có bao giờ bạn đã từng dành ra một phần thời gian – dù là rất nhỏ – để thử nhìn vào cuộc sống này hay chăng?

Nhìn vào cuộc sống không chỉ có nghĩa là nhìn vào ngôi nhà của bạn, sở làm của bạn, gia đình, thành phố, làng quê... Những thứ

đó đều thuộc về cuộc sống, nhưng chỉ nhìn thấy chúng không thôi chưa phải là nhìn vào cuộc sống.

Thường thì chúng ta nhìn vào cuộc sống theo nghĩa là những gì liên quan và chúng ta được tiếp cận hằng ngày. Hay nói khác đi, chúng ta thường chỉ chú ý đến những gì mà chúng ta cho là thiết thực và có ảnh hưởng nhất

định đến sinh hoạt hằng ngày của chúng ta, được nhìn thấy và tiếp xúc mỗi ngày. Ít khi chúng ta nghĩ rằng ngay cả những điều mà chúng ta chưa từng nhìn thấy, ở tận đâu đó rất xa xôi, cũng vẫn là một phần trong cuộc sống và có những ảnh hưởng nhất định đến chúng ta.

Hãy dành ra đôi phút để suy nghĩ về những gì bạn đã thấy biết về cuộc sống. Hãy liên kết chúng lại trong một nhận thức bao quát, toàn diện. Có thể bạn sẽ ngạc nhiên khi thấy được những điều mà trước đây bạn chưa hề nghĩ đến.

Có thể là trên đường đến nơi làm việc mỗi ngày, bạn vẫn thường đi dưới một hàng cây xanh. Nhưng có bao giờ bạn nghĩ đến hàng cây ấy như là một phần trong cuộc sống? Thế bạn có biết là mỗi ngày hàng cây ấy đã lọc sạch cho thành phố này bao nhiêu là dưỡng khí? Và nếu vì một lý do nào đó mà chúng ngã đổ xuống, hoặc chết đi, bạn

có biết là điều gì sẽ xảy ra chẳng?

Thật giản dị như trang giấy mà bạn đang đọc những dòng chữ này... Bạn có bao giờ nghĩ đến biết bao nhiêu yếu tố liên quan cần đến để có được một trang giấy nhỏ nhoi trong tầm tay của bạn hay chẳng? Nếu không có rừng cây, người ta không thể có bột giấy để làm ra giấy. Không có đất đai màu mỡ, không thể có rừng cây. Không có mưa, không có nắng... rừng cây không thể tồn tại và lớn lên. Và nếu không có sự hiểu biết về việc làm giấy được truyền lại qua nhiều đời, cũng không thể có trang giấy...

Hãy nghĩ đến từng sự vật chung quanh bạn. Không một sự vật nào có thể tồn tại độc lập mà không phụ thuộc trực tiếp hoặc gián tiếp vào những sự vật khác. Một khi mối liên hệ này được nhìn rộng ra, bạn sẽ thấy không một sự vật nào lại không có một mối quan hệ nhất định

gần xa nào đó với bất kỳ một sự vật nào khác.

Với sự vật đã như thế, bạn sẽ thấy ra với những con người điều này lại càng rõ rệt hơn. Làm sao chúng ta có thể nghĩ đến một sự tồn tại tách biệt với những người chung quanh ta? Làm sao chúng ta có thể có được hạnh phúc, an vui... mà không quan hệ đến những con người khác, cho dù là những người mà lâu nay ta vẫn thường xem như là xa lạ?...

Cách nhìn về cuộc sống như thế là một cách nhìn hợp lý hơn so với cách nhìn chia tách, phiến diện mà đa số thường mắc phải. Điều này

giúp chúng ta hiểu được một cách dễ dàng hơn những mối quan tâm chung của toàn nhân loại như vấn đề môi trường, khí hậu, thiên tai... Điều này cũng giúp chúng ta gần gũi hơn với các tâm hồn nghệ sĩ, những người có thể dành phần lớn thời gian trong cuộc sống để ca ngợi những vẻ đẹp của hoa lá, cỏ cây hay trăng nước..., vì ta biết rằng chính những vẻ đẹp ấy quan hệ mật thiết đến cuộc sống chúng ta như thế nào. Và một cách vô cùng thiết thực, nó giúp cho mỗi chúng ta – những con người – dễ dàng gần gũi với nhau hơn trong cuộc sống.

Trân trọng cuộc sống

Nếu tôi nói với bạn rằng cuộc sống này rất đẹp, có thể bạn sẽ hỏi tôi rằng: *Nó đẹp như thế nào?*

Này người bạn trẻ, đó là một câu hỏi không dễ trả lời. Thậm chí, nói một cách

chính xác hơn thì đó là một câu hỏi mà tôi không thể trả lời cho bạn. Bạn chỉ có thể tự mình tìm kiếm và cảm nhận lấy câu trả lời ấy. Và một khi bạn đã làm được như thế, bạn mới thực sự biết yêu

thương và trân trọng cuộc sống này!

Một người bạn họa sĩ có lần hỏi tôi: “Anh ngắm hoa như thế nào để thấy hết vẻ đẹp của hoa?” Tôi trả lời anh ta: “Nếu anh ngắm hoa vì muốn thấy hết vẻ đẹp của nó, anh sẽ không bao giờ đạt được ý nguyện. Thay vì vậy, anh hãy tiếp xúc với bông hoa.”



Cuộc sống này cũng là một bông hoa, và là một bông hoa rất tuyệt vời. Nhưng cho dù đã có vô số những thơ, văn, nhạc, họa cố gắng miêu tả vẻ đẹp của cuộc sống, sự thành công của các nghệ sĩ trong lãnh vực này là vô cùng hạn chế. Chỉ có một số rất ít các nghệ sĩ bậc thầy là có thể truyền đạt được đến người xem, người nghe một phần nào đó những vẻ đẹp mà họ cảm nhận được... Vì thế, nếu bạn hỏi tôi rằng cuộc sống đẹp như thế nào, tôi nghĩ là tôi hoàn toàn không có khả năng để miêu tả điều đó cho bạn.

Khi tôi ngắm hoa, tôi không nghĩ là mình đang tìm kiếm vẻ đẹp của bông hoa. Bông hoa là một thực thể trong cuộc sống. Tôi cũng là một thực thể trong cuộc sống. Tôi và hoa cùng hiện hữu. Tôi có mặt nơi đây cùng với bông hoa và cảm nhận được vẻ đẹp của nó, cả màu sắc và hương thơm, những đường nét tinh tế... Tôi không hề

có ý niệm muốn chiêm hữu bông hoa hay vẻ đẹp của nó. Tôi hiện hữu cùng bông hoa và vì thế tôi tiếp xúc được với nó.

Bằng cách đó, tôi có được những rung động sâu xa nhất mà một tác phẩm nghệ thuật thiên nhiên tuyệt vời có thể mang lại cho con người. Tôi cảm nhận được hoàn toàn vẻ đẹp của bông hoa, mặc dù tôi chỉ có thể phác họa hoặc miêu tả lại vẻ đẹp ấy một cách rất hạn chế bằng khả năng diễn đạt rất tòi của mình. Nhưng nếu bạn cũng muốn cảm nhận trọn vẹn vẻ đẹp ấy, tôi mời bạn hãy tiếp xúc cùng bông hoa.

Để hiểu được cuộc sống này đẹp như thế nào, bạn cũng cần phải tiếp xúc thực sự chứ không phải là cất công đi tìm kiếm vẻ đẹp trong đó. Tất cả các bạn đều sẵn có khả năng tiếp xúc với đời sống để cảm nhận những vẻ đẹp ấy.

Khi bạn bận rộn quay cuồng với trăm công ngàn việc

trong cuộc sống, điều đó không có nghĩa là bạn đang tiếp xúc cùng cuộc sống. Bạn có thể đã trải qua nhiều năm trong cuộc sống, nhưng có khi chưa một lần thực sự tiếp xúc cùng cuộc sống.

Bạn chỉ có thể tiếp xúc được với cuộc sống khi trăm công ngàn việc của bạn không còn là để nhắm đến những mục đích lo toan, tính toán, giành giật hay khao khát điều này, điều khác, mà chỉ là để cho bạn sống có ý nghĩa hơn. Khi không còn bị chi phối bởi những được, thua, hơn, thiệt... bạn mới thực sự có thể mở lòng tiếp xúc cùng cuộc sống. Đôi khi, tôi thích gọi những giây phút như thế này là sự dừng lại để nhận biết chính mình. Bởi vì chỉ khi nào bạn nhận biết chính mình, bạn mới có thể tiếp xúc được với cuộc sống đang tồn tại song hành cùng bạn.

Vì thế, tiếp xúc với cuộc sống là dừng lại mọi tham vọng, lo toan, tính toán,

để tâm hồn trải rộng thênh thang và nhìn ngắm mọi sự vật trong bản chất sâu xa thực sự của chúng.

Khi ấy, bạn sẽ thấy dòng sông không chỉ là dòng sông, mà chính là sự luân lưu mẫu nhiệm muôn đời của nước. Bạn thấy hơi nước bốc lên không trung, đọng thành những đám mây mát mẻ, và rơi xuống thành những cơn mưa làm tươi xanh vạn vật. Không có sự luân lưu mẫu nhiệm ấy, dòng sông không thể tồn tại qua bao đời mà vẫn là dòng sông được...

Bạn cũng nhìn thấy chồi non đâm ra từ một cây xanh đã hàm chứa cả những cây xanh ngày mai trong nó. Cây và chồi nối tiếp nhau trong một chuỗi dài không đứt của sự hiện hữu nhiệm mầu mà không phải nhờ cậy vào bất cứ sự lo toan tính toán nào. Ngày xưa, vào độ tuổi cuối đời, Khổng Tử đã có lần dừng lại để tiếp xúc cùng cuộc sống. Khi ấy, ông đang đứng bên một

dòng sông và đã cảm khái nói rằng: “Ta muốn im lặng không nói nữa! Trời có nói gì đâu? Bốn mùa theo nhau tiếp nối, trời có nói gì đâu?” . (*Dư dục vô ngôn! Thiên hà ngôn tai! Từ thời vận hành, thiên hà ngôn tai!*).

Bạn cũng sẽ nhìn thấy hết thấy con người đều là những thực thể rất tuyệt vời, mẫu nhiệm. Mỗi một con người đều là sự nối tiếp của một, hai, cho đến vô số những thế hệ đã qua... Những gì chúng ta nhìn thấy hôm nay là kết quả được truyền lại từ những ngày xưa xa lắc xa lơ nhưng không hề mai một, hư mất... Và một mai khi chúng ta không còn nữa, vẫn sẽ có những con người nối tiếp sự hiện hữu của chúng ta...

Bạn cũng sẽ nhìn thấy cả cuộc sống này là một thực thể thống nhất nhiệm mầu. Từ không khí trong lành ta đang hít thở, ánh nắng mai ấm áp trên những bụi cây xanh... cho đến những áng mây đang vờn bay xa tít

tắp cuối chân trời... Tất cả đều quan hệ chặt chẽ với ta, trong mối tương quan cùng nhau hiện hữu. Mỗi một thực thể trong cuộc sống đều là điều kiện tồn tại cho những thực thể khác, và đều không thể tồn tại nếu không có sự tương tác lẫn nhau.

Khi nhìn vào một bát cơm, bạn sẽ thấy có bông lúa trĩu hạt, có bác nông dân cày bừa khuya sớm, có ánh nắng, cơn mưa, dòng nước mát đã nuôi lớn đồng lúa xanh... Nếu không có bác nông dân cày bừa khuya sớm, không có ánh nắng, cơn mưa, làm sao có đồng lúa trĩu bông? Không có đồng lúa, làm sao có bát cơm ta đang nhìn thấy?

Nhưng bác nông dân, ánh nắng, cơn mưa... lại tồn tại nhờ vào nhiều yếu tố khác nữa. Bác nông dân đã lớn lên nhờ khoai sắn ruộng vườn, nhưng cũng cần có quần áo để mặc, thuốc men khi bệnh tật, đèn dầu để thắp lúc về đêm... Vì thế cuộc sống của bác lại liên quan đến nhiều

yếu tố khác nữa.

Mối tương quan chặt chẽ giữa các yếu tố trong cuộc sống không chỉ là sự tương tác cùng tồn tại. Đó còn là mối tương quan chuyển hóa từ yếu tố này thành yếu tố khác. Bạn sẽ không sao tưởng tượng nổi là năng lượng mặt trời mỗi ngày liên tục được chuyển hóa thành một khối lượng vật chất khổng lồ trên toàn thế giới. Và công việc nặng nề, to tát ấy lại được thực hiện bởi từng lá cây xanh nhỏ bé ở khắp nơi trên bề mặt của hành tinh, và có vô số những lá cây xanh như thế...

Khi phân rác hoai mục đi trong lòng đất, chúng được cây xanh hấp thụ để chuyển hóa thành hoa trái, rau củ... Vì thế, khi bạn nhìn vào một giỏ rác, bạn có thể thấy được những hoa trái, rau củ của ngày mai. Nhưng bạn cũng nhìn thấy những bông hoa đang tươi đẹp trong phòng rồi đây sẽ héo rũ và sẽ bị vứt vào giỏ rác. Trong cái tươi

đẹp của hoa đã hàm chứa cái hôi hám của rác, và trong cái hôi hám của rác đã hàm chứa cái tươi đẹp của hoa.

Khi thực sự tiếp xúc với đời sống và hiểu được những mối tương quan giữa bản thân với vạn vật, bạn sẽ thấy lòng mình rộng mở hơn. Bạn cũng thấy cần phải sống có trách nhiệm hơn, vì cuộc sống của bản thân bạn luôn có mối liên quan đến tất cả mọi người.

Này người bạn trẻ, đến đây chắc hẳn bạn đã hiểu ra rằng chính sự tiếp xúc sâu xa với bản chất của mọi thực thể trong đời sống mới có thể giúp bạn cảm nhận được vẻ đẹp của cuộc sống, chứ không phải là những miêu tả mơ hồ qua thơ, ca, nhạc, họa...

Với sự tiếp xúc sâu xa này, bạn sẽ thấy rằng không chỉ những nét hoa mỹ, những biểu tượng thành công, giàu

sang, khỏe mạnh... mới là tiêu biểu cho vẻ đẹp của cuộc sống. Ngay cả những gì không đẹp, khó khăn, nghèo khổ, tội lỗi... cũng là những yếu tố hàm chứa trong cuộc sống, và đều có liên quan chặt chẽ đến bản thân ta.

Và chính sự hiểu biết sâu xa về bản chất của đời sống sẽ giúp bạn cảm thấy trân trọng cuộc sống ngăn ngui nhưng mâu nhiệm và quý giá này, cũng như hiểu ra được ý nghĩa và giá trị của từng phút giây ta đang được hiện hữu trong cuộc sống.

Xây dựng một đời sống đẹp là biết hòa nhập và thương yêu chia sẻ cùng tất cả, không phải là lựa chọn lấy những gì tốt đẹp để tôn thờ, theo đuổi. Chúng ta sẽ có nhiều niềm vui và hạnh phúc hơn khi ý thức được rằng chính bản thân mình đang góp phần làm đẹp hơn cho cuộc sống. ■



NỘI SAN HOÀNG PHÁP

QUÁN THẾ ÂM

Hạnh Phương



Ở giữa trái tim con
Trong ngần hình ảnh mẹ
Trải bao nước bao non
Giọt cam lồ mát mẻ
Vào đời con khát sữa
Mẹ hiện bóng mẹ già
Buổi con nhọc đường xa
Mẹ chính là bóng mát.
Trừ nỗi đau nỗi chết
Mẹ là thuốc trường sinh

Giữa đôi bờ sinh diệt
Mẹ: là thuyền từ linh
Mẹ là kho châu báu
Thay đổi sự bản cùng
Đưa con rời hiểm đạo
Mẹ: cầu, thuyền thung dung
Mẹ: trong ngần vàng trắng
Chữa đau thương ái nhiễm
Mẹ: mặt trời thánh thiện
Xóa đêm dài vô minh
Hôm sớm tâm nhập tâm
Chấp tay sen tín niệm
Mẹ từ bi thị hiện
Mẹ là Quán Thế Âm.



CHÙA TRÚC LÂM và SỰ NGHIỆP KỶ VĨ CỦA “TỪ MẬT CAO TĂNG”

Tâm Quang

I. DẪN NHẬP

Kể từ các thập kỷ đầu của thế kỷ XX, tinh thần tu tập và hành trì giáo pháp của đông đảo Tăng, tín đồ Phật giáo Việt Nam nói chung và Phật giáo tại miền Trung và Huế nói riêng, tuy chưa được chấn chỉnh đến mức khả quan như tâm nguyện

và niềm mong ước của chư tôn túc Sơn môn. Nhưng đây cũng là thời kỳ ở kinh đô Huế, rất nhiều ngôi chùa mới được chư Tổ khai sơn, kiến tạo đã làm cho sức sống của Phật giáo tại miền đất cố đô thơ mộng này trở nên khởi sắc và hưng thịnh.

Việc xây dựng của những ngôi chùa mới này không chỉ thể hiện sinh lực tiềm tàng của Phật giáo trong thời buổi Đạo pháp nhiều nhurong, mà còn tỏ rõ tinh thần và nguyện lực vô biên của các bậc long tượng Tăng già trong các Tông lâm thanh tịnh, hình bóng uy nghi của quý ngài đã “bất biến” trong suốt thời kỳ Phật giáo lâm vào tình trạng suy vi, thoái hóa. Dân tộc và Phật giáo đang phải gánh chịu cái ách cai trị nặng nề của chế độ thực dân và sự lấn áp của các thế lực tôn giáo ngoại lai.

Trước hoàn cảnh khó khăn như thế, nhưng chư tôn túc Sơn môn vẫn không ngừng nỗ lực tạo cơ duyên thuận lợi để khai sơn, kiến tạo nhiều ngôi chùa, như :

- Chùa Thệ Đa Lâm, do Hòa thượng Trùng Huệ Giác Viên (1883-1942) kiến tạo vào năm Tân Hợi, 1911 ở làng Dương Xuân thượng. (Năm Quý Dậu, 1933 ngài đổi tên thành chùa Hồng Khê cho đến ngày nay).

- Chùa Diệu Minh do Hòa thượng Tâm Phổ Trí Uyên (1886-1940) kiến tạo vào năm Nhâm Tý, 1912 trên đất làng Bồi Thành, ở Cồn Hến, Huế. (Năm Giáp Thìn, 1964 Hòa thượng Nguyên Tánh Đức Tâm (1928-1988) trùng tu rồi đổi tên là chùa Pháp Hải).

- Chùa Tra Am, do Hòa thượng Trùng Thông Viên Thành (1879-1928) kiến tạo vào năm Quý Hợi, 1923 ở ấp Tứ Tây, làng An Cựu, tỉnh Thừa Thiên.

- Chùa Duy Tôn, do Hòa thượng Trùng Nhã Giác Hải (1882-1938) kiến tạo vào năm Mậu Thìn, 1928 trên đất làng An Cựu tây. (Sau ngài đổi tên thành chùa Giác Lâm cho đến ngày nay).

NỘI SAN HOÀNG PHÁP

- Chùa Pháp Uyển Châu Lâm, do Hòa thượng Tâm Ấn Viên Quang (1894-1977) kiến tạo vào năm Quý Dậu, 1933 trên một ngọn đồi ở làng Dương Xuân thượng. (Ngày nay thường gọi là chùa Châu Lâm, ở đường Lê Ngô Cát, Huế) v.v...

Ngoài ra, còn có một ngôi chùa nữa, do tỳ kheo ni Thanh Linh Diên Trường (1863-1925) kiến tạo vào năm Nhâm Dần, 1902 trên một ngọn đồi rộng rãi, phong quang ở làng Dương Xuân thượng, huyện Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên. Đó là ngôi “TRÚC LÂM ĐẠI THÁNH TỰ”. Ngày nay mọi người chỉ quen gọi là chùa TRÚC LÂM.



Cảnh vườn chùa

II. LƯỢC SỬ CHÙA TRÚC LÂM

Chùa Trúc Lâm do tỳ kheo ni Thanh Linh Diên Trường (1863-1925) mua đất và xây dựng vào năm Nhâm Dần, 1902 trên một ngọn đồi ở làng Dương Xuân thượng, huyện

Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên. (Ngày nay thuộc thôn Thượng 1, xã Thủy Xuân, thành phố Huế).

Nguyên nhân khiến bà có tâm nguyện kiến tạo ngôi chùa mới này là do vào năm Ất Mùi, 1895 bà đài thọ kinh phí trùng tu chùa Phổ Quang ở dốc Bến Ngự, Huế, để làm cơ sở tịnh tu cho Ni chúng, nhưng lại gặp lúc chính quyền bảo hộ Pháp thiết lập con đường xe lửa Huế-Hà Nội (Đà Nẵng), chạy ngang qua dưới chân đồi. Sự việc này diễn ra đã làm cho cảnh chùa Phổ Quang trở nên ồn ào, náo nhiệt, nên vào năm Nhâm Dần, 1902, bà vào mua đất ở làng Dương Xuân thượng để lập chùa Trúc Lâm.

Sau khi xây dựng chùa xong, qua năm Quý Mão, 1903 (1), bà vào chùa Tây Thiên đánh lễ Hòa thượng Thanh Ninh Tâm Tịnh xin cho Sa-di Trừng Thành Giác Tiên (2) ra làm khai sơn và trú trì. Còn bà cũng lập riêng trong khuôn viên chùa một Ni xá để làm cơ sở tu học cho Ni chúng.

Tuy là một ngôi chùa mới, nhưng qua quá trình hình thành và sinh hoạt thì ngôi chùa này cũng đã có những đóng góp lớn lao và thiết thực cho phong trào phục hưng và phát triển của Phật giáo tại miền Trung Việt Nam lúc bấy giờ.

Năm Canh Ngọ, 1930, chùa đã tổ chức và khai giảng thành công “**Sơn môn Phật học đường Trúc Lâm**” để làm cơ sở đào tạo Tăng tài. Đây là một Phật học đường được tổ chức khá qui mô và có nề nếp đầu tiên tại Thừa Thiên, Huế. Chương trình giảng dạy lại được một vị Quốc sư danh tiếng, một bậc Giáo thọ sư uyên thâm Tam tạng giáo điển là Hòa thượng Như Trí Phước Huệ (1869-1945) trú trì Tổ đình Thập Tháp ở Bình Định ra làm chủ giảng.

Sơn môn Phật học đường Trúc Lâm đã đào tạo nên nhiều bậc Cao tăng tài năng và đức độ, đã duyên khởi cho nhiều Phật học đường tiếp tục ra đời sau đó.

Khi cao trào chấn hưng Phật giáo Việt Nam khởi động mạnh mẽ tại miền Nam, thì ở miền Trung, đầu năm Nhâm Thân, 1932, chùa Trúc Lâm là tâm điểm hội tụ của quý ngài để sáng lập nên An Nam Phật học hội, chính thức khai mào cho đại cuộc chấn hưng.

Có thể nói, chùa Trúc Lâm là điểm giao lưu tâm đắc và thân thiết của chư tôn túc Sơn môn, cùng các bậc thiện tri thức tại Thừa Thiên, Huế lúc bấy giờ. Nhờ sự gắn bó keo sơn ấy mà nhiều Phật sự trọng đại đều được quý ngài chung lo một cách nhanh chóng và viên mãn.

Sự kiện này, một đoạn trong văn bia ở bảo tháp Hòa thượng khai sơn Trùng Thành Giác Tiên đã ghi rõ: *“Chẳng bao lâu, thiện nam, tín nữ phát tâm Bồ-đề nhóm họp lại như mây, khiến nguyện vọng của Sư càng sâu rộng lớn lao. Do đó, Hội Phật học sớm khởi xướng mà chiều đã hình thành...”*

Ngoài việc thiết lập các cơ sở để hoàng dương Chánh pháp và tổ chức thành công nhiều Phật sự trọng đại, chùa Trúc Lâm hiện còn phụng thủ nhiều bảo vật. Những bảo vật này, đều có liên quan mật thiết đến văn hóa dân tộc và Phật giáo Việt Nam trong một vài giai đoạn hưng long của lịch sử.

Đó là:

- Một lư hương bằng sứ, hai tầng, được tráng men màu, có chạm hình rồng và chữ thọ. Chung quanh lư hương có hàng chữ nổi: ***“Từ Sơn phủ, Đông Ngàn huyện, Bảo Sơn tự, Lê triều hưng long Chính Hòa”***. (Chính Hòa là niên hiệu của vua Lê Hy Tôn từ năm Canh Thân, 1680 đến năm Giáp Thân, 1704).

Lư hương này do Thượng thư Hồ Đắc Trung (1856-1939) (thân phụ của Sư bà Trùng Hảo Diệu Không (1905-1997) đem từ Thanh Hóa vào cúng cho chùa.

– Bức tiểu tượng Hòa thượng Thạch Liêm Thích Đại Sán

(1633-1702) cùng chiếc bình bát bằng chu-sa và chiếc muổng bằng gỗ mà Hòa thượng thường dùng trong thời gian ngài sang hoàng pháp tại Thuận Hóa (Huế) vào năm Ất Hợi, 1695. (Bảo vật này, trước đây được phụng thờ tại chùa Khánh Vân, ở thôn Lựu Bảo, xã Hương Hồ, huyện Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên. Sau đó, Hòa thượng Giác Tiên thỉnh về thờ ở chùa Trúc Lâm. Sự việc này, có ý kiến cho rằng Lựu Bảo lúc bấy giờ là vùng nông thôn hẻo lánh, dưới thời Pháp thuộc là vùng xôi đậu mất an ninh. Tăng chúng chùa Khánh Vân lại không có bao nhiêu người, sợ dễ bị mất trộm, nên đã giao nhờ Hòa thượng Giác Tiên thỉnh về thờ ở chùa Trúc Lâm !)

– Một bộ y bát của Hòa thượng Tánh Thiên Nhất Định (1784-1847), Tổ khai sơn An Dưỡng am -Từ Hiếu. Đây là bộ y bát Tổ thường dùng khi ngài còn trụ thế.

– Bức trướng bằng gấm lót nhiều điều, thêu bộ kinh Kim Cương bằng chỉ ngũ sắc. Có chiều dài 147 cm, chiều rộng 24,3 cm. Tổng cộng gần 6.500 chữ Hán. Bản thêu kinh có 3 phần: Hai bài Tựa ngự chế, kinh văn và bài Bạt. Xuất xứ từ thời đại Tây Sơn (1778-1802).

(Có thuyết cho rằng hai bài tựa là do vua Quang Trung và vua Cảnh Thịnh ngự chế, nhưng không có cứ liệu.)

Bức thêu kinh được lưu giữ trong một cái hòm bằng gỗ trầm hương, chiều dài 24 cm, rộng 10 cm và cao 7,7 cm. Bảo vật này do một Ni sư đem từ miền Bắc vào cúng cho chùa.

Chùa Trúc Lâm là nơi trụ thế nhiều năm của một bậc Cao tăng kỳ vĩ, một vị Tăng già tiên phong và lỗi lạc bậc nhất trong trào chấn hưng Phật giáo tại miền Trung. Người đã có những bước đi vững vàng và vô cùng sáng suốt trên lộ trình hoàng dương Chánh pháp suốt hơn ba thập kỷ, Người đã để lại niềm ngưỡng vọng vô biên và nhiều ấn tượng sâu sắc cho các thế

hệ Tăng Ni và Phật tử Thừa Thiên, Huế - Hòa thượng Trùng Thành Giác Tiên.

Cũng tại ngôi chùa mới này, dưới sự chăm nom, giáo dưỡng tận tụy của Người, một vị Bồ sư đầy tài năng và đức độ, đã đào tạo nên nhiều đệ tử xuất chúng, trong đó có “TỨ MẬT CAO TĂNG”.

Công nghiệp kỳ vĩ của “*Tứ Mật Cao Tăng*” cũng đã góp phần làm cho ngọn đèn Chánh pháp sáng rực cả dải đất trời miền Trung nước Việt suốt nửa đầu thế kỷ XX và rạng rỡ cho đến ngày nay.

Đạo phong thanh thoát và tấm lòng thương tưởng thế hệ hậu lai vô bờ bến của quý ngài cũng đã un đúc và thấm đẫm vào nếp sống phạm hạnh của nhiều thế hệ Tăng Ni.

Uy đức và từ tâm vô lượng của quý ngài, mãi mãi là ánh đuốc soi sáng cho các giới đồng bào Phật tử trên bước đường tu tập, hoằng dương và hộ trì Chánh pháp.

Chùa Trúc Lâm - dù mới trải qua hơn một trăm năm, nhưng các thế hệ chư Tăng của chùa vẫn không ngừng dốc sức trùng tu, tôn tạo để ngày nay trở thành một ngôi Tổ đình uy nghiêm, rạng rỡ. Tính đến năm Nhâm Thân, 1992 (năm Hòa thượng Tâm Hương Mật Hiển viên tịch) thì đã có ba đời Cao tăng kế tục trú trì.

Đó là quý Hòa thượng:

- Trùng Thành Giác Tiên (1880-1936)
- Tâm Chơn Mật Tín (? - 1938)
- Tâm Hương Mật Hiển (1907-1992)

Với thân giáo trang nghiêm, trí tuệ thù thắng và tầm nhìn xuyên suốt cả lộ trình hoằng dương thâm viễn của Hòa thượng khai

son Trùng Thành Giác Tiên. Cùng với công nghiệp kỳ vĩ của hàng đệ tử “Tứ Mật Cao Tăng”, **chùa Trúc Lâm** không chỉ đã làm nên những trang Phật sử vàng son cho niềm tin ngưỡng tâm linh cao đẹp của dân tộc trên quê hương Thừa Thiên, Huế, mà còn là một danh lam có vị trí xứng đáng trong lịch sử chùa tháp ở miền đất được mệnh danh là kinh đô Phật giáo này.

(còn tiếp)

Chú thích:

1. Về thời điểm này, trong phần chú thích ở bài: “Chùa Tây Thiên...” chúng tôi đã đề cập đến (Xin xem Nội san Hoàng Pháp, số 22, trang 70,71).

Tại chùa Trúc Lâm hiện có bức hoành phi treo trên khung cửa vào bàn thờ Tổ, ghi niên đại kiến tạo chùa là: **“Năm Duy Tân thứ 3, 1907”**. (Chắc là nhầm, vì niên hiệu Duy Tân thứ 3 là năm Kỷ Dậu, 1909, còn 1907 là Duy Tân nguyên niên. Đây chưa phải là sử liệu đáng tin cậy, vì bức hoành phi bằng tiếng Việt này mới khắc sau lần trùng tu năm Giáp Tuất, 1994 mà đã có sự nhầm lẫn như đã nói trên).

2. Hòa thượng thọ Sa-di năm Canh Tý, 1900, đến năm Canh Tuất, 1910 ngài thọ Cụ túc giới. Như thế, rõ ràng lúc Hòa thượng được mời vào làm khai sơn và trú trì chùa Trúc Lâm, (Quý Mão, 1903) ngài mới 23 tuổi và đang là vị Sa-di. (Trường hợp này, trong lịch sử Phật giáo Thừa Thiên, Huế, không phải là không có. Năm Đinh Hợi, Hội Việt Nam Phật học cũng đã cử Sa-di Tâm Phật Thiện Siêu (1921-2001) làm trú trì Tổ đình Từ Đàm. (Hòa thượng thọ Sa-di năm Quý Mùi, 1943 tại Phật học viện Bảo Quốc và thọ Cụ túc giới tại giới đàn Hộ Quốc, chùa Bảo Quốc năm Kỷ Sửu, 1949).



NỐT NHẠC MÀU LAM

Hoàng Công Danh

Âm nhạc là nghệ thuật của thanh điệu, đối tượng hướng đến của nó là tai. Nhưng tôi lại thích xem âm nhạc là nghệ thuật của màu sắc, nếu những màu sắc đó chưa lên khung toan thì ít ra, chúng cũng đã vẽ lên trong tôi một màu lam từ những ngày

còn nhỏ, khi chạm phải âm nhạc Phật giáo.

Tôi quan niệm một công việc chỉ là một đóng góp nhỏ, và với suy nghĩ ấy, bài viết dưới đây chỉ điếm qua một số ca khúc Phật giáo in đậm trong ký ức của mình mà thôi.

1. Khai thức

Bài hát đầu tiên mà bất cứ đứa trẻ nào đi chùa cũng biết đó là “Em đến chùa”, một ca khúc dễ thương với tiết tấu nhẹ nhàng như những gót chân đêm rồng. *“Một hôm, một hôm mỏng một lên chùa, em đi đi với mẹ, mua vài hoa sen. Đến chùa, đến chùa dâng cả hồn em, lên trên trên đức Phật, lòng em mỉm cười”*. Lặp chữ là một kỹ thuật của các nhạc sĩ nhằm tạo ra nhịp điệu, ở đây sự lặp lại hai lần *“một hôm”* đã đẩy ca từ vượt qua tín hiệu thông báo về thời gian. Nghe ra dường như việc đến chùa là một cái “duyên” gặp gỡ chứ không phải là một việc cần phải làm/ nghi thức. Đi lễ chùa thường vào những hôm mừng một đầu tháng hoặc những ngày rằm tròn trăng. Tác giả viết *“mỏng một”* là muốn đưa chữ vào ý nghĩa khai thức mở đầu, như ta đi học đầu tiên là lớp một, leo lên căn nhà cao tầng thì trước hết phải qua tầng một. Vậy thì *“mỏng một”* ở đây còn được hiểu theo nghĩa lần đầu tiên em đến chùa. Ngay

từ lần đầu tiên ấy, trong em đã có niềm tôn kính Phật và thể hiện ra bằng hành động tay cầm *“một vài hoa sen”*.

Hoa sen trong văn hóa Việt là biểu tượng vừa thanh nhã lại trang nghiêm. Ca dao có câu *“trong đầm gì đẹp bằng sen/ lá xanh bông trắng lại chen nhị vàng/ nhị vàng bông trắng lá xanh/ gần bùn mà chẳng hôi tanh mùi bùn”* - đây là cái thanh nhã. Hoa sen được chọn làm hoa tiết trên kèo cột đình chùa - đây là cái trang nghiêm. Và khi hoa sen dâng Phật thì nó được tôn thêm sắc thái mền mại thơm thảo. Tưởng chừng mấy đoá sen của em sẽ làm cho chánh điện ngát hương tịnh độ.

Khai thức là biểu hiện của cái *minh* (sáng - ngược với *vô minh*), là tín hiệu đầu tiên để chạm vào hạnh phúc chân thật. Đến chùa từ nhỏ tức là tìm đến sự an lạc trong đời sống vốn là “bể khổ” này. Tôi có đọc một bài viết của Song Nguyễn (tạp chí Hồn Việt số 1-tháng 6/2007), trong đó tác giả đưa ra hai ý kiến về việc giáo dục cho trẻ em Việt

Nam. Một là đưa võ thuật vào dạy trong nhà trường và hai là cho trẻ em một vài kiến thức Phật pháp. Ở bài viết đó Song Nguyễn đưa ra một ví dụ là “tập thở trong chánh niệm” của thiền sư Nhất Hạnh. Tôi xin lấy một ví dụ khác là nên cho trẻ em biết về “*năm giới cấm*” của nhà Phật dành cho người tu tại gia, đó là: không sát sanh, không nói dối, không trộm cắp, không tà dâm và không dùng chất kích thích. Trẻ em cần những hiểu biết và thực hành những điều đó chính là tạo nền tảng đầu tiên để làm người. Cũng như vậy, việc đến chùa những ngày còn nhỏ không phải là một nghi thức tôn giáo mà cốt để tạo cho trẻ em có đức tin và lòng từ bi, tâm bác ái.

Âm nhạc Phật giáo đã dẫn dắt khéo léo các em anh vũ về với màu đạo bằng ca từ bình dị và âm điệu nhẹ nhàng. Từ một hành động đến chùa khiến người ta ý thức được tình yêu là gì? (định nghĩa tình yêu với biên độ rộng) “*tôi yêu màu lam, là màu thêm*

sức sống. Tôi yêu màu lam, màu thủy chung hồn nhiên, đời sống vui an lành” (Tôi yêu màu lam). Yêu màu sắc là một kiểu yêu không giống ai, xưa nay người ta hay nói yêu ai, yêu cái gì, còn màu sắc thì thường dừng ở mức độ “thích”. Một khi đã dùng chữ “yêu” tức tác giả đã gắn cuộc đời mình với chiếc áo có màu lam đó, như thể nguyện sống trong màu áo đạo dung dị hiền lành.

Trong một ca khúc khác, tình yêu đã được hiện thực hóa bằng những hình ảnh gần gũi với hình bóng quê nhà. Vậy là lòng mộ đạo hòa quyện trong tình yêu quê hương, mà quê hương thì ai cũng yêu đến khôn cùng... “*Yêu mãi ngôi chùa xưa, làn khói hương trầm đưa, bao ân từ chan chứa. Yêu tiếng chuông nhẹ ngân, khuya sớm hay ban mai, hồn dâng muôn tiếng ca. Chiều về bao êm ái, nghe tiếng kinh thăng trầm, ngọt ngào ơn Tam bảo, vang mãi đến nơi xa. Luôn nhắc ta đạo hạnh ta bà, lòng từ bi thiết tha*” (Yêu mấy sao

cho vừa).

Đời sống nhiều khi làm ta chán ngán mệt mỏi, khi đó ta lắng nghe một ca khúc Phật giáo sẽ thấy dễ chịu hơn. Tôi đã thử và thấy điều đó có hiệu quả khi nghe một đoạn trong bài “Thức tỉnh đi em”, *“em mau tỉnh lại giữa biển khơi, trăm luân khổ não biết bao người, bởi mê nên nhận lầm vọng tưởng, quên đi chân tánh vốn rạng ngời”*. Giải cầu và phản tỉnh là hai quá trình cần có trong đời sống nhằm đạt được mục đích nhận chân vấn đề/ cuộc sống. Ở câu hát này, *“trăm luân bể khổ”* là giải cầu, nhận ra sự thật của cuộc đời. Còn *“em mau tỉnh lại”* là một lời khuyên nhủ có tính chất phản tỉnh. Cái *“chân tánh vốn rạng ngời”* chính là sự nguyên thủy bản nguyên của con người ta. Trong Tam Tự Kinh đã viết *“nhân chi sơ tính bản thiện/ tính tương cận tập tương viễn”*, con người ta khi mới lọt lòng ai cũng tốt, dần dà đời sống làm ta xa rời bản tính đó, và *“thức tỉnh*

đi em” chính là quy y (trở về nương tựa) với tánh thiện sơ nguyên. Trong một khoảnh khắc nhỏ, sự phá vỡ mình để thức tỉnh cũng có thể xem là một cuộc “đốn ngộ” tự thân.

2. Mẹ mặc áo lam



Trong đoạn văn “Bông hồng cài áo”, thiền sư Nhất Hạnh đã viết *“Mẹ là giáo sư dạy về thương yêu, một phân khoa quan trọng nhất trong trường đại học cuộc đời”*. Chính vì tình thương của mẹ vô bờ bến nên Mẹ đi vào âm nhạc rất nhiều. Với những ca khúc Phật giáo, tôi muốn khoác cho Mẹ một tấm áo lam để nhiệm mầu hơn, cao quý hơn! Chính đoạn văn này đã được nhạc sĩ Phạm Thế

Mỹ phổ thành ca khúc rất ý nghĩa. Một tác phẩm văn học khi được chuyển thể sang âm nhạc thì biên độ được mở rộng hơn, vì lẽ đó nên ca khúc của Phạm Thế Mỹ vượt ra ngoài khuôn khổ một bản nhạc chỉ dành cho giới Phật tử, hướng đến mọi tầng lớp xã hội, vượt qua ngưỡng mặc khải tôn giáo. *“Mẹ, mẹ là dòng suối dịu hiền. Mẹ, mẹ là bài hát thần tiên, là bóng mát trên cao, là mắt sáng trắng sao, là ánh đuốc trong đêm khi lạc lối.”...*

Ngày còn nhỏ tôi hay vào vai đứa con trong vở múa diễn ở chùa với nền nhạc là bài hát “Lòng mẹ” của nhạc sĩ Y Vân. Cũng với quan điểm âm nhạc vượt biên giới tôn giáo, ta gặp lại ở bài hát này tính rộng lớn của thánh giả thưởng thức. Mới thấy tình mẹ thật vô biên, hát về mẹ tức là hát về một cánh đồng ngút ngàn sữa ngọt không có chân ruộng phân chia.

Một phần lớn ca khúc Phật giáo nói về sự thiếu may mắn khi mất mẹ. Đó là những ca

khúc gây nhiều xúc động, nhưng sự xúc động trong màu đạo sẽ có một sắc thái khác với ngoài đời. Nghĩa là nỗi buồn khi mất mẹ được các nhạc sĩ nhúng vào màu lam để làm nhẹ đi và chuyển sang một nỗi-buồn-trung-trình như sắc trắng của đoá hoa cài trên ngực áo.

“Tôi trở về đây thành phố đã sang mùa, khung trời từ bi mẹ đã một lần đi”. Diễn đạt rất nhẹ nhàng mà thâm thía! Chữ “đi” thay cho cái chết xưa nay người ta viết nhiều, nhưng ở đây nhạc sĩ viết *“một lần đi”* thì vừa là cách nói giảm vừa là cách diễn đạt tinh tế. Một lần đi nghĩa là chưa đi mãi, có thể về lại theo luật luân hồi. Nhưng ai cũng biết đã đi (chết) thì một lần cũng là vĩnh viễn! Ca từ âm nhạc Phật giáo phải đặt trong trường ngôn ngữ nhà Phật mới thấy được cái hay và sâu.

Một tiếng kêu khẩn thiết bất ngờ mà mỗi khi hát ta như muốn khóc theo, *“mẹ không còn nữa, mẹ đã đi rồi, cánh hạc lưng trời, tháng năm vội*

vã”. So sánh mẹ như một cánh chim hạc là mẹ thanh cao. Song, cũng vì mẹ là cánh hạc nên đã bay xa con, bay đi xa rất xa ngàn trùng. Cánh hạc biểu thị cái chết ở đây cũng tựa như một cái lông hồng biết bay, “*có cái chết nặng như sắt/ có cái chết nhẹ tựa lông hồng*”. Mẹ mất đi thôi thì coi như đã trút xong gánh nặng cuộc đời để thanh thản bay.

Hình tượng mẹ thường được đưa vào trong những ca khúc mùa Vu lan báo hiếu. “*Tháng bảy ngày trăng mùa hiếu vu lan về. Hoa hồng người ta cài áo sắc hồng tươi. Riêng con hoa trắng trắng mà tình khô. Mẹ ơi thương nhớ vô cùng. Còn con trong ánh đạo vàng. Mất mẹ rồi đời phải gian nan*”. Không hiểu sao cứ mỗi lần hát đoạn nhạc trên là tôi lại chảy nước mắt, mặc dù mình vẫn còn mẹ và không dễ khóc chút nào. Có lẽ sự đối nghịch trong màu sắc hồng-trắng đã làm mình phải xúc động thật sự.

Tình thương của mẹ vô bờ

bến, âm nhạc về mẹ trong Phật giáo vì thế mà rất nhiều và tất cả đều gây cho khoe mắt của người nghe biết ướ!

3. Vĩ thanh của tiếng chuông



Tôi đang sống xa quê, và chính vì đi xa nên thấm thía những nỗi tha hương, nhiều đêm mất ngủ oằn mi không ngủ được. Trong nỗi niềm cố hương đó có hình ảnh một mái chùa làng và những khúc ca mà các anh

chị trưởng đã dạy. “Nhớ chùa xưa” là một ca khúc dành cho những ai đi xa, nghe để tự an ủi và rồi phải luyến lưu mong mỏi.

“Tôi nhớ ngày tôi đi, tình thương nào cách trở, vườn hoa còn tươi nở, trong ngày tôi ra đi. Ôi mái chùa thân yêu, cửa từ bi vẫn mở, xa mái chùa thân yêu, lòng tôi nhớ thương nhiều...”

Từng nghe nói người ta đi đâu rồi cũng muốn về với quê hương bản quán của mình. Thậm chí vẫn muốn khi chết rồi cho được xác thân nằm với đồng đất quê nhà. Trong cuộc trở về ấy ta sẽ gặp lại ngôi chùa yêu dấu, với các em thơ mắt sáng đêm rằm, với tiếng chuông cầu kinh bình an.

“Hôm nay tôi trở về đây, thăm mái chùa xưa yêu dấu, nghe tiếng chuông vọng về đêm, mà lòng tôi ấm mãi. Nay chùa xưa yêu dấu, tôi sẽ về lại

đây, nơi tình yêu chan chứa, niềm thương mấy cho vừa...”. Đó cũng là ước nguyện của những ai đã từng một thời oanh vũ mặc áo lam đi ca hát ở sân chùa, một thời ấy giờ thành kỉ niệm nhưng không thể nào rơi vào dĩ vãng.

* * *

Còn rất nhiều ca khúc Phật giáo khác mà tôi chưa tiện điểm qua. Chẳng hạn như chất Phật giáo trong ca khúc Trịnh Công Sơn, một nhạc sĩ tiêu biểu của âm nhạc Việt Nam, hoặc một số ca khúc hay của nhạc sĩ Uy Thi Ca như “Ưu đàm hoa”... Bài viết này chỉ là một nét phác ngang kí ức những ngày ấu thơ mặc áo lam đến chùa. Những ngày đó đã xa, nhưng âm thanh thì như còn vọng mãi...

Tôi đã căng toan lên trước mặt. Ý định sẽ vẽ một bức tranh bằng những nốt nhạc màu lam! ■





Những Bài Học Thiên Văn

Vài tháng trước, vào một buổi tối mùa xuân trời trong, tôi có dẫn đưa con trai 6 tuổi của mình, Skyle, đến trung tâm không gian **Chabot Space and Science Center** ở vùng Berkeley, để quan sát Thổ tinh, *Saturn*, qua chiếc kính thiên văn dài 28 bộ Anh.

Bầu không gian là niềm say mê mới nhất của bé Skyle. Nó thường mãi mê vui đùa trong những quyển sách với tựa đề như là “Một trăm điều

bạn cần nên biết về không gian”, hay là chơi với những tấm thẻ, một mặt có in hình chiếc viễn vọng kính Hubble Scope, mặt bên kia là câu đố như là, “Sự bùng nổ của ngôi sao, *super nova*, được cấu tạo như thế nào?” “Làm thế nào các khoa học gia biết được một dãy thiên hà đang xoay theo chiều nào?”

Bầu không gian không phải là một đề tài tôi thường chú ý, vì vậy mà những quyển sách của bé Skyle, nó bắt

tôi đọc cho nghe sau buổi ăn chiều, thường mang lại cho tôi nhiều điều mới lạ. “Chất đen, *dark matter*, là tên đặt cho những vật ngoài vũ trụ, vì các khoa học gia tuy biết rằng chúng có mặt, nhưng không thể tìm thấy chúng” Hoặc là, “Các khoa học gia có thể đoán được vũ trụ này có bao nhiêu vật thể (*matter*) bằng cách đo lường sự chuyển dịch của các thiên hà. Điều này cho ta thấy, tất cả những vì sao và hành tinh chỉ là một phần rất nhỏ của vũ trụ. Phần lớn còn lại là vô hình.” Câu nói ấy đã khiến cho tôi suy nghĩ hết trọn một tuần. Và tôi cũng kinh ngạc là tại sao các khoa học gia vẫn chưa trở thành những tu sĩ huyền bí, quỳ sụp sát xuống và tôn thờ những chiếc viễn vọng kính của họ!

“Bên ngoài vũ trụ còn có gì nữa không?” Chúng tôi cũng đọc cùng trong một quyển sách ấy của Skylе. “Các khoa học gia vẫn còn suy đoán, bằng cách dựa trên

những manh mối còn sót lại sau khi vũ trụ được sanh ra. Nhưng họ tin chắc rằng, nơi ấy hoàn toàn không có thời gian, cũng không có khoảng cách và vật thể.” Câu chót ấy nghe sao giống như một lời kinh xưa, vọng ra từ trong một thiền viện, tụng theo nhịp mõ vang vang. Nhưng thật ra tôi đang đọc cho bé Skylе nghe nơi chiếc bàn ăn trong nhà bếp, trong khi nó đang say mê gặm miếng bánh màu hồng có dạng một trái trứng, mà nó tin rằng có một con thỏ to thần bí nào đó đã giấu trong nhà chúng tôi vào buổi sáng *Easter*. Mà đâu ai có thể trách nó được? Trong một thế giới của vụ nổ lớn, *Big Bang*, và những đường hầm thông thương, *wormholes*, kết nối các vũ trụ khác lại với nhau, thì tôi cũng có thể tin vào sự có mặt của một con thỏ to và huyền bí được chứ!

Tôi và bé Skylе đi đến đài trung tâm thiên văn Chabot với đứa bạn thân cùng tuổi,

Alex, cũng say mê khoa học như nó. Bé Alex thì lại rất đam mê về môn vi trùng học, *microbiology*, những món đồ chơi của nó là những con vi khuẩn nhồi bông, đủ hết mọi loại, mọi chứng bệnh.

Skyle và Alex đã là bạn với nhau trước khi chúng nó biết đi, khi tôi và má nó thường bế hai đứa ra chơi ngoài công viên gần nhà. Vào năm ba tuổi, Alex bị chẩn đoán với căn bệnh loạn dưỡng cơ (*muscular dystrophy*), và hiện giờ nó đang được chữa trị theo một phương pháp *genetic* còn trong vòng thử nghiệm. Và điều đó cũng có nghĩa là trong vòng mười năm tới, sự thành công hay thất bại cũng đồng nghĩa với sự sống chết của nó. Bé Alex không chạy nhanh như chúng bạn, và nó cũng gặp khó khăn khi bước lên những bậc thang. Nhưng trước những chuỗi cười giòn tan, thường không ai nhớ đến căn bệnh của nó.



Bé Skyle cũng có vấn đề riêng, mặc dầu không đến nỗi nguy hiểm đến mạng sống. Lúc ba tuổi, nó phải đi điều trị cho vấn đề về sự phối hợp giác quan, *sensory integration*. Hệ thần kinh của nó quá nhạy cảm và có một kết cấu hơi khác thường. Nó có thể nghe được tiếng điện chạy vang trong tường, khi ngủ phải cần những tấm màn che thật tối, và tôi vẫn thường bông nó khóc la ra khỏi những buổi tiệc sinh nhật vì tiếng ồn lớn. Bây giờ thì mọi việc đều đã trở nên khá bình thường. Nhưng trong những năm tháng qua, tình bạn giữa nó và bé Alex là chỗ nương tựa cho cả hai,

chúng cùng vui đùa và chia sẻ những say mê lẫn các khó khăn của nhau.

Chúng tôi đến nơi khi bầu trời đêm cũng vừa buông xuống trên mái vòm to của đài thiên văn Chabot. Đây cũng là nơi trú ngụ của chiếc kính thiên văn lớn nhất Hoa Kỳ, và được mở cửa cho công chúng đến xem. Trong khi đứng sắp hàng chờ, Alex và Skylе thi nhau đồ chúng tôi những câu hỏi về Saturn: những vòng đai chung quanh Saturn được làm thành bởi những tảng băng và đá. Saturn to hơn trái đất gấp 800 lần, nhưng nó rất nhẹ, nếu như ta thả vào một đại dương vĩ đại thì nó vẫn nổi trên nước. Skylе quay sang nói chuyện với một phụ nữ đứng phía sau, chừng ba mươi tuổi, cô ta có lẽ cũng là một thành viên thiên văn “chuyên nghiệp” như nó. Cả hai bàn với nhau về 62 mặt trăng của Jupiter, và về *Proxima Centauri*, ngôi sao gần nhất với mặt trời chúng

ta, cách xa khoảng chừng bốn năm dặm ánh sáng. “Cháu có biết nếu ta tính ra bằng là nó cách xa bao nhiêu không?” Bà ta hỏi. Skylе nhíu mày suy nghĩ. “Nếu tính ra bằng dặm,” nó nói, “ta phải nhân lên 186.000 dặm cho mỗi giây, nhân với 60 giây trong một phút, nhân với 60 phút mỗi giờ, nhân với 24 giờ trong một ngày, nhân với 365 ngày trong một năm, và rồi ta nhân lên cho 4 năm. Cháu không tính nhầm trong đầu được. Có nhiều con số không quá!”

Đến phiên chúng tôi, từng người một thay nhau leo lên một chiếc thang dựng đứng và bước đến đặt mắt nhìn qua ống nhòm của chiếc viễn vọng kính. “Má! Má phải xem cái này!” Skylе há hốc miệng! Tôi đặt mắt vào ống nhìn, và qua chiếc kính viễn vọng, 900 triệu dặm xa, là hành tinh Saturn – màu vàng sáng, với những vòng đai và nó chói sáng như là một viên kẹo. Chung quanh nó là năm

đốm sáng, những mặt trăng lớn nhất của Saturn.

Trong khi ấy, tầng bên ngoài phía trên, một số đông những người mê thiên văn đã bắt đầu tụ họp. Họ mang theo những chiếc kính riềng của mình, đặt nhắm lên bầu trời đêm hướng về những vật thể của thiên đàng. Giống như là một buổi hội tiệc thiên văn vậy. Bé Skylе và Alex đua nhau chạy từ chiếc kính thiên văn này sang cái khác, đặt mắt vào nhìn rồi la lên câu gì đó vô nghĩa. Một trò chơi bí mật nào mà chỉ có chúng mới hiểu với nhau.

Ánh trăng thật sáng, dường như ta có thể đọc sách được. Bé Skylе và Alex tạm thời chán với bầu không gian, chúng thi nhau tập trò chống tay lộn nhào trên sân. Tôi và má của Alex ngồi trên một bờ tường xi măng thấp, nhìn chúng chơi với nhau: hai đứa bé cũng bí mật và vô thường như những hành tinh quay tròn ngoài không gian vô tận kia. Cơ thể của

chúng cũng được làm bằng cùng những vật thể cấu tạo nên các vì tinh tú, đã được tôi luyện trong một mặt trời xa xưa. Tôi tưởng tượng đến sự kinh ngạc của nhà thiên văn đầu tiên khi đặt chiếc viễn vọng kính lên bầu trời đêm, và khám phá ra Saturn với những vòng đai của nó. Hàng triệu năm qua, loài người chỉ thấy nó như là một điểm sáng trên bầu trời đêm, như một vị thần linh mà sự di chuyển của nó có thể mang lại tai họa cho con người.

Những năm trước, có lần tôi hỏi má của Alex, làm sao chị vẫn có thể giữ được niềm vui và tự tin, trong khi phải săn sóc cho bé Alex - lo chữa trị, chở nó đi bác sĩ, giữ cho nó được khỏe mạnh, cầu nguyện cho một ngày nào đó khoa học sẽ tìm ra thuốc chữa. Chị mỉm cười đáp, “Không ai có thể biết chắc được mình sẽ có bao nhiêu thời gian với con mình. Tôi chỉ cố gắng tập cho mình có hạnh phúc trong mỗi ngày.”

Ngồi nhìn chúng nó lộn nhào dưới ánh trăng, một câu kinh trong nhà thiền chợt đến với tôi: “Trong ánh sáng, bóng tối cũng có mặt, nhưng ta không cần phải tìm hiểu bóng tối. Ngay giữa bóng tối, ánh sáng vẫn hiện hữu, nhưng ta không cần phải đi tìm ánh sáng.”

Đâu ai thật sự biết được trọng lực, *gravity*, là gì! Quyển sách thiên văn của Skylе nói như thế. Nó chỉ là một tên gọi mà chúng ta tạm đặt cho một sự thu hút giúp cho mặt trăng quay chung quanh trái đất, và trái đất quay chung quanh mặt trời - nó giữ cho những vật thể trong vũ trụ ở lại với nhau, thay vì là lao vút đi vào một nơi xa thẳm trong không gian.

Nhìn bé Skylе và Alex đùa

chơi với nhau, tôi có chút xót xa với ước mong sẽ bảo vệ cho chúng lúc nào cũng có hạnh phúc và an toàn, giữa một cuộc sống đầy đầy những tai nạn xe hơi, vi khuẩn, súng đạn, hiếp dâm và những chứng bệnh bất trị. Đó là một ước vọng quá to tát mà tôi không thể nào tính được, có nhiều con số không quá!

Việc mà tôi có thể làm là thật sự có mặt với tất cả: cảm nhận được trong tim về những gì tôi biết đang hiện hữu trong vũ trụ này, chúng có mặt rất đầy đủ, mặc dù mình không thể nhìn thấy. Nhìn sâu vào chiếc viên vọng kính tôi thấy có những vì sao đã chết đi và đang sinh trở lại, cách đây hàng trăm năm ánh sáng. ■

Astronomy Lessons by Anne Cushman

Hiện Trú lược dịch





DƯỜNG NHƯ BÓNG MÂY

Lam Khê

(tiếp theo và hết)

... Đến tối về nhà Hải Nghi đem những lời cô điệu nói kể lại cho mẹ nghe:

— Sao cô tiểu lại bị đem bỏ ở chùa vậy mẹ? Bộ cô không có cha mẹ à?

— Mọi đứa trẻ sanh ra đều có cha mẹ. Có thể cha mẹ cô đã chết hay vì lý do nào đó mà phải đem con bỏ cửa chùa?

— Mấy chú tiểu ở chùa đều là con mồ côi hết cả mẹ?

— Ờ... không hẳn vậy. Mấy chú vẫn còn cha mẹ chứ. Có chú phát tâm đi tu. Có chú vì hoàn cảnh gia đình mà ở chùa. Tuy vậy hầu hết khi lớn lên mấy chú đều ý thức được tâm nguyện xuất gia của mình. Dù thế nào thì những chú bé ở chùa đều có

phước duyên cả con ạ!

Ba mẹ thường đi cứu trợ các vùng xa. Những lần bão lụt không ít đưa trẻ lâm vào cảnh mồ côi, gia đình tan tác. Mấy ngôi chùa quanh vùng đem chúng về nuôi. Nhưng không bao lâu chúng lại bỏ về quê, chịu sống đói nghèo chứ không kham nổi cảnh buồn tẻ ở chùa.

Dù mới tí tuổi, Hải Nghi đã tỏ ra là một cô bé nhạy cảm, vui thích được san sẻ và biết bày tỏ niềm cảm thông với người khác. Từ lúc làm quen với An Tường, bé theo mẹ đi chùa nhiều hơn và không quên mang theo nhiều thứ tặng phẩm cho cô điệu. Những gói bánh kẹo, tập vở bút viết và cả những món đồ chơi đắt tiền của nó. Khi Hải Nghi gọi đó là những vật cúng dường thì cô điệu nhất định không nhận. Là trẻ con, An Tường cũng ham thích đồ chơi, cũng biết yêu quý trân trọng tình bạn bè. Nhưng cô chỉ vui chơi trong chừng mực. Chơi xong An

Tường lại rủ Hải Nghi học bài. Những bài học ở trường cùng các bài kinh kệ ngắn mà thầy và mấy sư huynh viết cho điệu học. An Tường cũng dạy cho bé học ít câu kệ, song con bé luôn lắc đầu. Tuy vậy nó cũng nhảm thuộc được vài câu khi nghe cô đọc mãi...

Hải Nghi nói đến mùa hè sẽ rủ cô điệu về quê ngoại chơi. Nó cũng giao kèo đến chùa ở vài tuần để cùng học kinh với mấy chú tiểu. Bao dự tính tốt đẹp chưa kịp thực hiện thì Hải Nghi đã sớm lìa bỏ cuộc đời. Nghe tin cô bạn nhỏ mất, An Tường đã khóc. Lần đầu tiên cô điệu biết khóc vì một người thân mất. Cô khóc mà luôn thắc mắc tự hỏi “Vì sao một đứa trẻ có đầy đủ cha mẹ và một cuộc sống sung túc như thế lại chết. Còn con bé mỏng manh như trứng nước, bị đem bỏ trước cổng chùa giữa trời đông giá lạnh, được quý thầy ra tay cứu độ thì được sống mạnh khỏe.”



Mang tâm trạng đau khổ đó, cô điếu đến thưa với thầy:

— Thầy ơi! Hải Nghi còn quá nhỏ nào đã gây ra tội lỗi gì, cô bé lại hiền lành dễ thương như thế thì sao lại vướng vào cơn bệnh hiểm nghèo đến phải chết đi?

Thầy xoa đầu cô khẽ nói:

— Cuộc sống đời người luôn ẩn chứa những điều bất trắc khôn lường như vậy. Khi lớn lên rồi con sẽ hiểu. Vì duyên nghiệp trả vay mà Hải Nghi chỉ hiện diện với cuộc đời bấy nhiêu. Kinh

Phật có nói: “Mồ hoang chẳng thiếu trẻ đầu xanh.” Con quỷ vô thường một khi đến thì không kể gì già trẻ. Lòng con thấy thương tiếc như vậy, thì cha mẹ của Hải Nghi còn đau đớn biết đường nào.

3- Con mưa lớn đổ xuống lúc xế trưa rồi tạnh ngay làm cho bầu trời trở nên quang đặng mát dịu. Buổi lễ chung thất diễn ra trong sự yên tĩnh trang nghiêm pha lẫn chút trầm lắng u hoài của những người đến dự. Tuy rất bận rộn nhưng mấy chú tiểu ở chùa lại cảm thấy vui vì hiếm có đám lễ nào vừa lớn vừa trang trọng như thế. Công việc của các tiểu là hầu quý thầy tụng niệm. Nhưng mấy chú cũng năng nỗ tham gia phát quả cho lũ trẻ trong xóm. Có chú cũng góp phần giứt bánh kẹo cô hồn làm cho không gian náo nhiệt lên một hồi. Sau lễ cúng thí thực, cảnh chùa cũng lắng dịu dần. Lúc này mấy chú tiểu lại bắt tay vào

việc dọn dẹp...

An Tường đang quét tước trước sân chùa. Thỉnh thoảng cô điệu dừng tay ngược nhìn lên trời. Sau buổi cúng thí này, mọi việc sẽ trở lại bình thường. Người chết đã yên phần. Người sống còn phải lo cho cuộc sống ngày mai. Điệu nghe mấy sư huynh nói vậy. Duy cô thì không bao giờ quên được nụ cười thơ ngây trong sáng rất thánh thiện của Hải Nghi. Mấy đêm trước điệu nằm mơ thấy nó. Gương mặt bé vẫn tươi tắn như xưa. Bé bị bỏ kể lại nhiều chuyện:

— Nghi đã bay cao. Cao lắm. Lướt qua mấy tầng mây trắng trên trời ấy... Nhìn thấy cả núi cả sông. Cây cối và những ngôi nhà trên mặt đất bé tí như ngón tay út của bé vậy nè. Nhưng từ đây về sau, Nghi không còn bay cao như thế nữa đâu. Nghi phải ở chùa nghe kinh. Qua lễ chung thất có thể Nghi sẽ không còn trở lại...

Cô điệu rất vui khi thấy bạn

nên cứ liên thoáng hỏi:

— Bạn vừa về sao lại phải đi? Mà Hải Nghi đi đâu vậy? Cứ ở lại chùa không được à?

Hải Nghi lắc đầu rồi bóng con bé mờ dần khi một đám mây từ xa kéo đến. Hải Nghi lại bay lên cao. Mỗi lúc mỗi cao. An Tường chỉ kịp nhìn thấy cánh tay bé nhỏ đưa ra vẫy chào. Cô điệu vói gọi theo:

— Hải Nghi... Hải Nghi...

— Điệu Tường nhìn gì mà chăm chú vậy?

Mẹ Hải Nghi vừa bước đến, cất tiếng nhỏ nhẹ hỏi điệu. An Tường quay qua chỉ đám mây:



— Con nhìn đám mây bay đàng kia để xem Hải Nghi có trong đó không?... Là vì hôm trước con nằm mơ thấy bóng Hải Nghi bay lẩn trong đám mây đầy mà. Nghi bảo đến từ biệt con để đi tới một nơi khác. Như vậy là Hải Nghi đi xa rồi cô ạ! Chúng ta sẽ không còn gặp lại bé nữa.

Người mẹ lặng lẽ dõi nhìn theo bóng mây, ánh mắt bà đượm buồn u ất:

— Sự thật thì Hải Nghi cũng mãi mãi rời xa chúng ta rồi còn gì. Có điều... từ đây nó sẽ bay cao hơn những gì đã có trong cuộc sống ngăn ngừi đời này. Nó không còn cảm thấy sự đau đớn giày vò thân thể. Cô chỉ cầu mong nó được an lành với nơi sẽ đến.

An Tường đứng yên, bất động. Tự cảm thấy mình đang khơi dậy nỗi đau mất con của người mẹ. Điều chưa biết nói gì thì bà chợt quay lại bảo:

— Điều này! Tuần tới cô về

thăm quê và phát quà cho các cháu học sinh nghèo. Điều đi với cô ít ngày nhé? Lúc trước Hải Nghi có tâm nguyện thích về quê cứu giúp các em nhỏ. Bé cũng mong muốn có điều cùng đi.

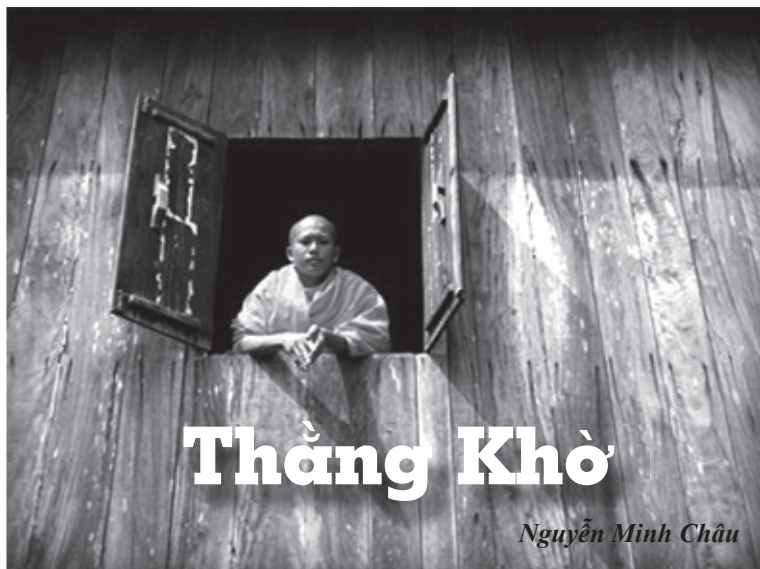
Điều Tường ngập ngừng trước gợi ý bất ngờ này:

— Con... con cũng thích về quê lắm. Hải Nghi cũng hứa đến hè... Nhưng mà... con sợ thầy không cho...

Giọng người phụ nữ dịu dàng như cánh sắc trời thu man mác:

— Không sao. Để cô thưa với thầy xin phép cho điều đi... Còn tới hai tuần nữa điều mới đi học lại mà.

Bầu trời bỗng chốc trong xanh diệu vợi. Trong khối lam chiều bàng bạc, dường như có áng mây trắng vừa bay qua. Mây trắng bay xa... mang theo cuộc hành trình đời người đến đi vào nơi xa khuất.■



1.

C chuyện ngày xưa, ở một nơi rất xa xôi, dưới chân đồi Khát Vọng, có một chàng lãng tử. Chàng sinh ra và lớn lên nơi đó đã từ lâu, lâu lắm rồi, không ai biết được là từ lúc nào. Chàng trai ấy chỉ sống một mình, không bà con, không anh em, không bạn bè và cũng chẳng có lấy một ngôi nhà để ở. Một điều khá lạ là chàng trai ấy không biết mình tên gì, và cũng chẳng có ai để

gọi tên chàng. Xa xa, dưới chân núi Khát Vọng, vượt qua một cánh đồng rất rộng, có một ngôi làng nho nhỏ. Ở đó người dân chỉ sống dựa vào nghề săn bắn thú rừng. Chàng lãng tử lâu lắm mới đi xuống làng, đưa mắt quan sát từng nhà, từng nhà rồi lại trở về núi. Dân làng thấy vậy chỉ gọi chàng là thằng khờ, lâu dần thành tên.

Từ lâu lắm, Khờ chưa bao giờ kết bạn với ai, cũng

chẳng ai buồn để ý đến Khờ làm gì. Không ai nói cho Khờ biết là mình từ đâu đến, cha mẹ là ai? Khờ chỉ biết mỗi một điều là mình đang hiện hữu, đang sống trong một cái hang đá.

Dân làng đặt tên cho hang đó là hang Tuyệt Vọng. Cửa hang Tuyệt Vọng không lớn lắm, nhưng đi vào trong thì rất đẹp và rộng rãi, mát mẻ. Trong hang có những tảng đá to, có thể dùng làm giường ngủ, làm bàn ăn. Phía sau hang có một khe nước chảy róc rách, từ trong tảng đá lớn chảy ra hang, rồi chảy xuyên vào trong lòng đất, cung không biết chảy về đâu?

Nước trong hang mát mẻ, vị ngọt ngào, lại có thoảng hương thơm thanh thanh. Chung quanh hang đầy những cây trái trĩu cành, loại nào cũng ăn được cả. Nhờ đó mà chàng Khờ ở đây nhiều ngày không cần phải xuống làng kiếm ăn. Chỉ thỉnh thoảng Khờ mới

mang ít trái cây xuống chợ làng để đổi lấy đôi dép, cái áo, cái quần để mặc...

Cuộc sống của Khờ rất đơn giản. Có nhiều khi Khờ đem cả một vác nặng trái cây xuống làng chỉ để đổi lấy một món đồ rẻ tiền thôi. Cũng vì nhiều lần như thế nên dân làng mới gọi chàng là Khờ.

Hằng ngày, Khờ nghĩ gì không ai biết, nhưng chưa ai thấy Khờ cười, cũng chẳng ai thấy Khờ khóc hay buồn bao giờ. Cuộc sống của Khờ như một chú thỏ, chú nhím, chỉ biết quanh quẩn ở gần cái hang của mình, không cần biết đến những gì xảy ra xa hơn nữa...

2.

Một hôm nọ, trời rất đẹp, mây trắng vẩy quanh đỉnh núi Khát Vọng. Ánh nắng buổi sáng xuyên qua mây rọi thẳng vào vách núi làm xuất hiện rất nhiều màu sắc. Trên đỉnh núi, tuyết phủ trắng xóa đã nhiều năm

không tan, giờ như tỏa sáng dưới ánh nắng rực rỡ.

Cảnh tượng tuyệt đẹp đã quyến rũ bước chân của Khờ. Chàng ra đi men theo sườn núi, cứ đi mãi, đi mãi, theo bờ suối rồi lần theo vách đá. Chàng cứ đi, càng lúc càng lên cao, cảnh tượng ở trên núi cao lại càng tuyệt đẹp hơn, làm cho Khờ mê mẩn quên cả bản thân mình, không cảm thấy mệt mỏi, cũng không thấy núi cao.

Khờ đi mãi, đi mãi và cũng chẳng nghĩ rằng mình phải đi về đâu. Tâm trạng của khờ lúc này chỉ có một người hiểu được mà thôi, và người đó chính là Khờ! Bất ngờ, Khờ phát hiện ra mình đã lọt vào một vườn cây đầy hoa trái. Chủ nhân của khu vườn này chắc phải là một tiên ông tóc dài, râu bạc, hay một đạo sĩ nào đây?

Nhưng không! Đây chỉ là một khu vườn tự nhiên, dưới sự cai quản của một con dã nhân to lớn. Thoạt nhiên trước mắt khờ xuất

hiện một thân hình to lớn, đen đũi, còn khuôn mặt thì nửa người nửa vượn. Khờ còn chưa kịp sợ hãi thì tay Khờ đã nằm gọn trong lòng bàn tay to lớn của dã nhân rồi. Lúc này, Khờ chỉ còn biết ngoan ngoãn đi theo dã nhân mà thôi.

– Cậu ăn gì?

Ô hay! Thì ra con dã nhân này biết nói. Chàng Khờ còn ngỡ chưa kịp trả lời thì dã nhân đã vói tay lên cao bẻ cho Khờ một quả chuối chín vàng. Tuy chưa biết gì về loại quả này nhưng thoáng nhìn Khờ cũng có thể cảm nhận được sự ngon ngọt của nó. Nhưng rồi Khờ lại xua tay lắc đầu. Đi tiếp một đoạn, Khờ lại thấy rất nhiều loại trái cây với đủ màu sắc, xanh, đỏ, tím, hồng... tuyệt đẹp, trái nào cũng bóng bẩy như tươm cả mật ngọt ra ngoài, trông thật tuyệt vời. Nhưng Khờ vẫn không màng gì đến chúng, lại tiếp tục đi lên cao hơn nữa...

Càng lên cao không khí càng lạnh buốt, các loại cây trái cũng ít dần; nhưng không hiểu sao Khờ vẫn thích tiếp tục đi lên cao hơn nữa. Đến một đoạn không thể nào đi tiếp được nữa, Khờ dừng lại. Trước mắt Khờ chỉ còn duy nhất một cây lớn, trên cây có vài trái chín. Mùi hương trái chín tỏa ra thơm lừng cả đỉnh núi.

Đến đây, tay Khờ đã chạm được những tảng băng tuyết lạnh buốt. Khờ cảm thấy rất thèm muốn loại trái cây này, nhưng tiếc thay trái ở trên cao quá, thân cây to quá không làm sao leo lên hái được.

Khờ cứ đi luẩn quẩn dưới gốc cây không biết đã đến mấy vòng rồi. Mấy tảng băng mỏng phủ dưới gốc cây đã bị bàn chân Khờ giẫm nát vụn từ khi nào. Lòng Khờ khao khát muốn có được một trái cây thơm đó,

nhưng tuyệt vọng vì không thể trèo lên cây, cũng không đành lòng trở về. Một sợi dây vô hình đã buộc Khờ cứ đi vòng quanh mãi dưới gốc cây. Mùi hương thơm mỗi lúc lại càng thơm, sự thèm khát lại càng tăng thêm.

Bỗng nhiên có một chú sóc từ đâu trong lỗ bọng dưới gốc cây thò đầu ra, chọt thấy Khờ đi đến liền hoảng sợ phóng thẳng lên ngọn cây, nhảy chuyền từ cành này sang cành khác, miệng kêu chí chöhe. Những chú sóc khác đang ẩn nấp trên cây nghe tiếng báo động cũng vùng chạy toán loạn, nhảy nhót rộn ràng trên ngọn cây, làm cho cả cây to rung động. Tình cờ một trái cây thơm phức rớt xuống, đúng lúc chàng Khờ trông thấy liền đưa tay hứng bắt được. Ôi, thơm quá! thơm quá! Dã nhân trông thấy liền nói cho Khờ biết tên quả đó là quả thị...

(còn tiếp)



HÁ

RU

VE

LỮ

Đôi khi ta đi ngang qua một tai nạn. Nó tới thật bất ngờ, không có dấu hiệu gì báo trước, rồi chớp mắt, ta trở thành một nạn nhân. Tai nạn xảy ra trong phòng giải phẫu, chính bác sĩ cũng không ngờ, một mạch máu bị vỡ, và khi tỉnh ra mẹ tôi mới biết. Bà bị bại liệt nửa thân. Sau cơn hôn mê, tỉnh dậy, nhận ra tai nạn xảy ra với mình, câu đầu tiên bà thốt lên là: “Con ơi.” Bà gọi tôi.

Suốt đời, mẹ tôi sợ nhất là bị bại liệt. Mỗi khi giận con, bà hay nói: *“Bây giờ má còn khỏe, còn tỉnh táo, tự chăm sóc mình được mà các con còn đối xử với má như vậy. Mai này, lỡ má bị bại liệt như bà ngoại, nằm yên một chỗ, lú lẫn, ăn rồi mà tưởng là chưa ăn, nói năng lộn xộn thì các con còn hát hủi má đến mức nào nữa.”* Bà bị ám ảnh sẽ mang

chứng bệnh của ngoại, và cuối đời thì bà bị bại liệt, nằm trên giường tới bảy năm rưỡi trước khi nhắm mắt lìa trần.

Anh tôi gọi điện thoại, báo tin: “Má tỉnh dậy thì gọi em. Em sang đây với má.” Tôi liền lấy vé máy bay, sang Mỹ để có mặt bên mẹ. Vừa thấy tôi, mặc dù nằm trên giường bệnh, mẹ tôi liền nói với anh: *“Em con ăn chay. Ở Mỹ có nhiều thức ăn chay ngon lắm. Con nấu món gì cho em ăn.”* Đó là giây phút bà tỉnh táo nhất. Tình thương đã đánh thức trái tim của mẹ tôi dậy. Ngay sau đó, bà rơi vào đau khổ, sợ hãi. Mẹ tôi nói: *“Con đỡ má dậy. Má không bị bại đâu con. Con nâng sau lưng, giúp má ngồi dậy được là má bước xuống giường, đi thoăn thoắt cho con coi.”*

Ngồi bên giường, tôi không biết làm gì cả. Khổ đau của mẹ đang bóp chặt trái tim của tôi. Tôi có cảm tưởng như máu huyết trong thân thể đang bị ngưng đọng, trì trệ. Tôi phải làm gì để giúp mẹ. Tôi nhớ tới những bản nhạc tôi mới học được. Tôi nói: *“Con đang có mặt bên má đây. Má yên tâm, con không bỏ má một mình đâu. Để con hát cho má nghe nha.”* Và tôi bắt đầu hát:

*sợi nắng nằm ngủ trên cành
ngủ quên giờ mặt trời lặn
đêm nay dạo giữa mùa trăng
tôi gặp trên cây sợi nắng*

*sợi nắng mong manh ánh sáng
nhỏ xíu như một đường tơ
sợi nắng nằm ca nho nhỏ
nghe vui như một bài thơ*

*sợi nắng đêm nay có nhớ
muôn màu rực rỡ bình minh
hay len trong dòng hơi thở
sợi nắng đã thấy ra mình*

Mẹ tôi nghe hát thì thêm thiếp ngủ. Tôi hát hết bài này đến bài khác. Cô y tá đi vào, đôi chân bước thật khẽ, nói: *“Từ ngày vào đây, chỉ có hôm nay cụ mới nằm yên. Anh ở lại nhà thương nha. Tôi sẽ sửa soạn một nơi cho anh nằm nghỉ.”*

Vừa khỏe được một chút thì mẹ tôi đòi về Hà Lan ở với chúng tôi. Rồi sau đó mẹ tôi về Việt Nam ở với chị ruột của mình. Đến đâu, mẹ tôi vẫn nhận được sự chăm sóc và thương yêu. Một hôm, tôi về Việt Nam thăm mẹ, hỏi: *“Má ơi, trong cuộc đời của má, lúc nào má thấy hạnh phúc nhất?”* Mẹ tôi nằm trên giường, ngẫm nghĩ về câu hỏi. Tôi muốn nhắc nhở mẹ tôi về những thời gian hạnh phúc trong cuộc đời bà. Tôi để ý tới những lúc có chị tôi nằm bên cạnh, hai mẹ con nói chuyện với nhau thật là hạnh phúc. Hạnh phúc là một cái gì có thật, dù thỉnh thoảng có những tai nạn đi tới, lay ta thức dậy từ một cơn mộng mị nào đó. Mẹ tôi nói: *“Thời gian má hạnh phúc nhất là khi được sang Mỹ ở với anh con.”*

Đó là thời gian bà có nhiều bạn già, cùng rủ nhau đi chùa. Trên bàn học, tôi vẫn còn để tấm hình mẹ tôi chụp trước chùa. Bà mặc chiếc áo dài thêu màu vàng đậm thật đẹp. Mái tóc bạc trắng. Phía sau tấm hình là nét chữ đã mờ: *“Má tặng con, chùa ở Mỹ, chụp 1985”*. Tôi thường hay nhìn vào tấm hình, và nghĩ: *“Đây là thời gian má hạnh phúc nhất.”* Tôi thấy mỗi chúng ta nên có một tấm hình của mẹ, chụp trong lúc bà thật hạnh phúc. Tấm hình đó, ta chụp bằng tâm, bằng hồi tưởng, ký ức cũng được. Có thể đó là một câu nói, thốt lên lúc mẹ mình vui vẻ.

Từ khi mẹ tôi bệnh thì chúng tôi luôn tìm cách an ủi, giúp đỡ. Chúng tôi sắp xếp công việc để mỗi người về sống chung với mẹ một tháng. Và khi bà trút hơi thở cuối cùng, chị em chúng tôi có mặt đông đủ. Chỉ có chị thứ ba tôi là không về được. Chị đang gặp một tai nạn, phải sống trong vòng lao

lý. Mẹ tôi thường nhắc đến chị. Chị là đứa con làm khổ cha mẹ nhiều nhất. Chị gặp nhiều tai nạn trong cuộc đời.

Mỗi người chúng ta đều phải đi qua tai nạn, nhưng nếu có sự thông cảm, chấp nhận của những người ta thương, thì tai nạn sẽ chuyển thành hạnh phúc. Một thứ hạnh phúc vô cùng sâu đậm. Bậc làm cha mẹ hiểu điều này hơn hết. Mẹ tôi thường nói: *“Trong các con, đứa nào càng khổ thì má càng thương.”* Mà lạ thật, ở người mẹ nào, tôi cũng thấy có sẵn dòng trí tuệ, nguồn thương yêu đó.

Khi mẹ tôi hấp hối, chúng tôi ôm nhau ở trước mặt bà, hứa: *“Chúng con sẽ thương yêu nhau. Má yên tâm. Má sẽ tiếp tục sống trong các con. Các con sẽ sống thật đẹp, thật lành cho má.”* Mẹ tôi ra đi với một gương mặt bình an. Bình an như khi nằm ngủ trong nhà thương, tai vẫn nghe tôi hát:

*ngày mai có người tới hỏi:
có thấy sợi nắng hôm qua?
tôi nhìn trời cao vọi vọi
chắc sợi nắng đã đi xa*

*đi cùng mệnh mỏng ánh sáng
đi về bằng bạc không gian
vẫn đi bằng đôi chân nhỏ
vui theo gió núi trắng ngàn*

Vâng, tôi có thấy sợi nắng. Đó là một sợi nắng vô cùng màu nhiệm. Và tôi đã sống những giây phút thần tiên bên cạnh sợi nắng ấy. Ngay cả những khi sợi nắng gặp phải một tai nạn nhỏ, thì niềm vui của sự sống vẫn không bao giờ tắt ngấm. Tại sao vậy? Sợi nắng nói: *“Tại vì mình biết thương nhau.”* ■





Chiêu Hoàng

Phía Bên Kia

Lúc nào chị cũng loay hoay đi tìm *Phía-Bên-Kia* của cuộc đời. Chưa hẳn là sự Chết, cũng chưa hẳn là một sự bình an vĩnh cửu như một thứ *Thiên-Đàng* xa vời nào đó. Mà là một cái gì đó, hình như cực kỳ giản đơn như một vài lần chị nhặt được trong một trang kinh, hay một lời thốt lên của một vị đại đạo sư... Rồi một hôm chị chợt nhận ra rằng, cái chị loay hoay tìm kiếm đó chính là **Hạnh Phúc**...

Một ngày lại bắt đầu. Chị mở tung cánh cửa sổ và nghe được hai đứa trẻ con nôi đuôi đi theo bố nó về hướng *garage*. Chúng bé lắm, trên vai đeo hai cái *back pack* lòn lẹt của trẻ con. Tiếng nói trẻ thơ léo nhéo khua động sự tĩnh lặng của buổi sáng mai.

Chị nhớ đến cái “Hạnh Phúc” đang lằng đằng chạy ngang đầu

lẫn lộn với câu kinh quy y, đến những gì chị cảm nhận trong giờ công phu sáng. Một điều gì đó đang thấp thoáng ẩn hiện mà hình như chỉ cảm nhận được nhưng chưa thể diễn tả.

“Nó đơn giản lắm em ạ, sờ sờ trước mắt mình đấy. Vậy mà mọi người cứ phải bỏ bao nhiêu công sức để tìm nó...”

Nghe xong, chị ngờ ngợ. Nghĩ rằng mình lờ mờ hiểu được câu nói “cực kỳ” đơn giản của bạn. Chị nhìn lại tâm mình, nhủ thầm: *“Hạnh Phúc, đơn-giản-lắm-đấy!”* Chắc có lẽ nó đang chơi trò trốn tìm trong chị, chỉ chờ đến một ngày nào đó, nó nhảy ra, chỉ một thoáng giây thôi, chị sẽ nhìn thấy nó.

Hốt nhiên chị phì cười về những ý nghĩ quẩn quanh. Đúng là cái tâm nó đang “chơi khăm” chị, nó cứ tạo ra nhiều vấn đề để chị cứ phải rối rắm lên như thế. Chị nghe Hạnh Phúc khẽ nói vào tai mình rằng: *“Tâm thức cứ rối rắm nhiều vấn đề thì chẳng bao giờ được an. Chẳng bao giờ thấy được Hạnh Phúc”*

Hi hi hi... Phì cười là phải.

Chị hít vào một hơi dài và bắt đầu nắm lấy câu niệm Phật....

Nói chuyện

với ông Trăng

Chị là một người giàu tưởng tượng. Sự tưởng tượng đôi khi phong phú tới độ như một sự thật, tới độ đôi khi chị ngỡ rằng, thế giới đó, cái thế giới trùng trùng điệp điệp trong đầu chị quả thật hiện hữu.

Tôi nay chẳng có trăng. Sống trong một thành phố rộn rịp đầy những xe cộ và những ngọn đèn xanh, đỏ, với những bận rộn xoáy nghiền lấy đời sống thì việc tìm được ông Trăng quả là

một điều hy hữu. Nhưng rõ ràng, ông Trăng không xuất hiện, thế mà chỉ vẫn thấy, rõ ràng lắm, hình như nó vừa mọc lên từ cái tâm, ánh trắng vàng úa, nhạt nhòa...

Kìa. Ông Trăng! Sao đêm nay trông ông có vẻ buồn thế? Mặt ông méo xeo. Ông làm tôi giật mình. Suýt nữa là tôi đã chẳng nhận ra ông...

Ông biết không, thực ra, hình như tôi cũng có nỗi buồn giống ông thì phải. Chẳng phải vì thất tình, cũng chẳng phải vì bị một chuyện không may nào xảy đến, và càng nhất định không phải vì túng tiền, không thỏa mãn được một vài nhu cầu vật chất. Thế đó, vậy mà tôi vẫn buồn, mà nhiều khi - tựa như một người già lắm cảm - tôi lẫn lộn, không biết mình đang buồn hay đang bị trầm cảm nữa...

Ông biết không?

Một lần tôi tạo cho mình một niềm vui bằng cách bỏ một buổi kinh tối để đi theo một người bạn nhỏ vào một quán rượu ồn ào, đông khách. Cô bạn tôi có vẻ rất quen thuộc với những không khí như thế này. Cô đòi cho bằng được người pha rượu tên Steve. Sau gần nửa tiếng chờ đợi, cuối cùng tôi cũng gặp được người pha rượu. Đầu hấn trọc lóc, bóng láng, với đôi mắt một mí và làn môi mỏng. Tôi nhìn vào đôi mắt đục lờ, không có một chiều sâu nào trong ấy mà cảm thấy tội nghiệp. Nhưng hấn có vẻ rành rẽ về việc chiêu khách. Dĩ nhiên cô bạn tôi rất hài lòng về lối pha rượu của gã. Hấn cũng pha cho tôi một ly. Đưa lên môi nhấp thử, tôi thấy có một chút ngọt, một chút cay cộng thêm cái mùi hăng hắc của một loài hoa nào đó. Tất cả trộn lại là một vị dờ dờ, ương ương như cuộc đời. Đêm đó, tôi vừa uống rượu, vừa quan sát tâm ý mình. Hoàn toàn, tôi vẫn không thấy được một niềm vui...

Ông biết không?

Một lần khác, tôi lại phạm thì giờ của mình thêm lần nữa là dắt một đứa cháu đi xem ciné. Tôi chọn một cuốn phim hài hước, phù hợp với trẻ em. Thằng cháu vui sướng khi được tôi mua cho nó một ly nước ngọt và một hộp bắp nướng trộn bơ. Sao niềm vui của trẻ thơ đến hồn nhiên và dễ dàng đến thế? Còn tôi thì không. Tại sao thế nhỉ? Ông ạ. Có phải là càng ngày tôi cứ càng làm cho mình rối rắm thêm chăng?

Lại một lần khác. Tôi vẫn kiên nhẫn bỏ ra hàng giờ để ngồi xem một bộ phim tình cảm nhiều tập của Đại Hàn. Ôi, thật là rắc rối. Mọi vấn đề cứ xoắn lại những nút thắt. Nó không đem lại một niềm vui nào cho tôi cả ông ạ. Hơn thế nữa, nó lại càng làm cho tâm thức tôi thêm mệt mỏi...

Và đêm nay, ngồi nói chuyện với ông, cho dù ông cũng đang mang nặng một nỗi buồn (giống tôi), nhưng hình như tôi cảm thấy người ngoại đôi chút. Nhìn khuôn mặt ông làm tôi lại phát... phì cười. Tôi hay có cái tật kỳ cục ấy. Cứ hể nhìn sâu vào tâm mình, nhìn được một hình ảnh nào đó tôi lại phì cười... Ông biết tại sao không? Nếu biết nhớ nói tôi với nhé...

Chị khép đôi mắt lại. Hình như mặt trăng vẫn còn ẩn hiện trong tâm. Hình ảnh mặt trăng bắt đầu tỏ dần, bàng bạc. Trước khi đi vào giấc ngủ, chị khởi lên trong tâm hình ảnh một đóa sen trắng...

nỗi nhớ

Bây giờ đã gần bốn giờ sáng. Nàng vừa thức giấc. Như một người vừa ra khỏi một “cái chết ngắn” để trở về với hiện thực. Dầu vậy, hình như cơn mơ vẫn còn lảng đãng, nó lẫn lộn với những hình ảnh nhạt nhòa, nhưng có một điều rất rõ đang thấp sáng trong tâm thức. *Nỗi Nhớ*. Nàng nhớ chàng. Chẳng biết tại sao.

Nỗi nhớ không làm cho nàng khóc. Chỉ đơn thuần nhớ chàng.

Như một đoạn phim vụt hiện lên. Đôi khi nó chạy qua đầu rồi thôi. Đôi khi nó được chiếu đi, chiếu lại như một khúc nhạc được chơi trong một cái máy bị hỏng. Thường thường nàng nhớ chàng nhất là vào những giấc nửa đêm về sáng như đêm nay, lúc tâm thức còn lảng động, và nổi nhớ trở về mang theo nhiều hình ảnh đầy kỷ niệm, đầy màu sắc như chiếc cầu vòng...

Nàng xoay mặt nhìn ra cửa sổ tìm ông Trăng. Hình như đêm mai đúng vào đêm rằm, nhưng tối nay trăng cũng đã tròn và sáng lắm rồi. Bầu trời đen thẫm với những tàn cây che khuất, nàng tưởng tượng, có lẽ ngoài kia, trăng đang tàn, nhường chỗ cho ông Mặt Trời bắt đầu mọc.

Đêm...

Ngày...

Nhớ...

Quên...

Vũ trụ vẫn xoay mãi...

Mọi sự, mọi vật vẫn nối tiếp theo 12 vòng khoen thật chặt chẽ...

Không có gì thay đổi,

Nhưng vẫn cứ đổi thay từng tíc tắc...

Nàng vẫn nằm nghiêng. Theo dõi tâm thức mình.

Chợt nhớ.

Tâm thức chuyển qua lời kệ quy y.

Ồ. Đã sắp đến giờ cho thời công phu sáng...



Giấc Mơ

Walt

Thơ: Phổ Đồng

Nhạc: Nguyễn Hải/Hà Lan Phương

Khí sắc lá đang cuộn tròn thơ ấu Là bắt đầu nắng già
biệt trên cây Đất khẽ gọi bốn mùa sương xuống đậu Trắng đôi
tay đang thể hiện từng ngày Còn ôm giữ là đất trời đời
ngược Cách ngăn nhau chỉ tại một đường tơ
Thôi mặc kệ cho cuộc đời xuôi ngược Lá vẫn xanh là thể hiện giấc mơ
Sáng hôm nay hoa nở tròn cánh mộng Một bông hoa rơi rụng
nhựa về mau Cho đất khô đầm mây chổi nhủ mộng Cà nhին
thu về phối hợp ngàn sau Ta hiện hữu như con tằm ươm
kén Đủ sắc màu là thành hoại trong nhau
Giây phút đó chợt hiện về ca múa Ô đây rồi giấc mộng với nghìn năm

Ngàn thu vắng vắng tiếng chuông ngân
Vàng gọi dư linh thuở Lự Trần
Ai đó cũng thương nỗi xót giống
Mà sao nỡ lầy giả làm chân
Sóng sông giữa mặt từng rung cảm
Vách núi nghiêng tai cũng thấm nhuần
Minh chẳng cứu mình ai cứu nỗi
Chuông khua mười góc biển trăm lân...

(Chuông chùa Diệu Đế,
Vũ Hoàng Chương)



Bài viết và thư từ xin gửi: hoangphapvn@gmail.com
www.hoangphap.info